

TRƯỜNG QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

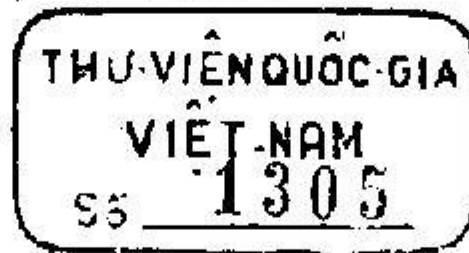
Luận Văn Tốt Nghiệp

Văn đề

XÂY-DỰNG DÂN-CHỦ

tại

NÔNG THÔN

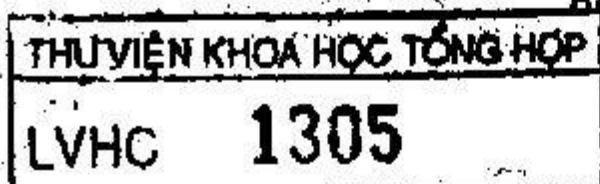


Sinh viên

VÕ VĂN BÌNH

Ban Độc Sự — Khóa 19

1971 — 1974



Giáo-sư hướng dẫn

Hoàng Xuân Hào

TIẾN-SĨ LUẬT-KHÓA

Nghị-sĩ Chủ-Tịch Ủy-Ban Tư-Pháp Định-Chế

Thượng-Nghị-Viện

Thành kính tri ân

Giáo-su

HOÀNG - XUÂN - HẢO

đã vui lòng nhận hướng-dẫn và tận-tình điều-dắt

tôi trong việc biên soạn quyển luận văn này.

Thành-kính tri-ân

Giáo-sư VIÊN-TRƯỞNG

Giáo-sư PHÓ VIÊN-TRƯỞNG

Quý-vị GIÁO-SƯ trong BAN GIẢNG-HUẤN

đã tận-tình dìu-dắt và giảng-dạy chúng tôi trong
suốt học trình 1971 - 1974

Trưởng Quốc-Gia Hành-Chánh không
tán thành cũng không phản đối những ý-
kiến phát-biểu trong Luận-Ven. Những ý
kiến đó do tác-giả hoàn toàn chịu trách
nhiệm.

DÀN-BÀI CHI-TIẾT

DẪN NHẬP

TRANG

ĐẠI CƯƠNG VỀ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG DÂN CHỦ TẠI NÔNG THÔN	1
I. <u>ĐẶT VẤN ĐỀ</u> : Xây dựng dân chủ tại nông thôn là điều kiện chiến thắng Cộng sản trong cuộc chiến hiện nay	3
II. <u>LỢI ÍCH CỦA ĐỀ TÀI</u> : Giải quyết mâu th thuẫn nội tại của xã hội nông thôn.	4
III. <u>GIỚI HẠN ĐỀ TÀI</u> : Khung cảnh nông thôn Miền Nam Việt Nam chủ trọng đến giai đoạn hiện tại.	4
IV. <u>PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU</u> :	5
V. <u>BỐ CỤC BÀI LUẬN VĂN</u> :	5

PHẦN THỨ NHẤT

NHU CẦU XÂY DỰNG DÂN CHỦ TẠI NÔNG THÔN	7
--	---

<u>Chương I</u> - <u>Đấu tranh chính trị và xây dựng dân chủ tại nông thôn.</u>	10
---	----

1)- Xây dựng dân chủ tại nông thôn để thực thi nền dân chủ pháp trị	11
a- Sự chủ trọng đến việc xây dựng đời sống nông dân.	12
b- Tác dụng của việc chủ trọng đến đời sống nông dân.	12
2)- Nhu cầu giữ thế chủ động chính trị tại nông thôn.	

Chương II - Phát triển kinh tế nông thôn
và xây dựng dân chủ tại nông
thôn. 16

1)- Phát triển kinh tế nông thôn để
nâng cao đời sống dân quê. 17

2)- Phát triển kinh tế nông thôn để
xóa bỏ đối tượng của thuyết đấu
tranh giai cấp. 20

Chương III - Phòng vệ Quốc Gia và Xây Dựng
Dân Chủ tại nông thôn. 22

1)- Nhu cầu thiết lập chính sách phòng
vệ quốc gia trong giai đoạn vừa
qua. 22

2)- Nhu cầu thiết lập chính sách
phòng vệ quốc gia hữu hiệu trong
hiện tại để yểm trợ các chương
trình xây dựng dân chủ tại nông
thôn. 23

- Tách rời cộng sản ra khỏi nhân
dân. 24

- Duy trì an ninh tại nông thôn. 24

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG THỨC XÂY DỰNG DÂN CHỦ TẠI NÔNG THÔN. 29

Chương I - Những phương thức đã áp dụng. 30

Mục I - Sơ lược về lịch sử chính trị
làng xã ở Việt Nam. 30

1)- Định chế làng xã trước
1884. 30

2)- Định chế làng xã dưới thời
Pháp thuộc. 31

Mục II - Các chương trình định cư trong
quá khứ. 32

Mục III	- Công cuộc định điền dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa.	33
Mục IV	- Khu Trù Mật	34
Mục V	- Quốc sách Áp Chiến Lược	36
Mục VI	- Chương trình tái phân ruộng đất theo dụ 57 ngày 02-10-1956.	38
Mục VII	- Chương trình Giáo Dục và Y Tế Nông Thôn.	39
Mục VIII	- Nhận định tổng quát các chương trình xây dựng thời Đệ Nhất Cộng Hòa.	39
Mục IX	- Kế hoạch Bình Định và Xây Dựng tại nông thôn trong thời kỳ chuyển tiếp.	41
<u>Chương II</u>	- <u>Phương thức hiện hữu.</u>	43
Mục I	- <u>Khung cảnh pháp lý và chương trình thực hiện.</u>	43
	1)-Việc xây dựng hệ thống chính quyền dân cử tại nông thôn.	43
	a- Việc xây dựng một hệ thống chính quyền dân cử tại nông thôn nằm trong khung cảnh hiến định và pháp định.	44
	b- Việc xây dựng hệ thống chính quyền dân cử phù hợp với kế hoạch và chính sách quốc gia.	44
	2)- Việc xây dựng dân chủ tại nông thôn qua chương trình bình định, xây dựng và phát triển nông thôn hiện tại.	45

3)- Chương trình cứu trợ và phục hồi đồng bào nạn nhân chiến tranh.	45
a- Chương trình nạn nhân chiến cuộc lánh cư.	46
b- Chương trình định cư theo kế hoạch khẩn hoang lập ấp.	47
4)- Chánh sách cải cách điền địa.	49
a- Tóm lược vài nét chính của chánh sách cải cách điền địa trước ngày 26-3-1970.	49
b- Chương trình tái phân ruộng đất theo luật 003/70 ngày 26-3-1970.	49
c- Chương trình đặc nhượng đất công sản tư dụng quốc gia thôn quê.	52
Mục II - <u>Trở ngại thực hiện.</u>	52
1)- Trở ngại do biến chuyển của thời cuộc và tình hình an ninh tại nông thôn.	53
a- Tình trạng phi hòa phi chiến sau ngày 27-1-73.	53
b- Chiều hướng sút giảm ngoại viện.	53
c- Do áp lực lạm phát.	54
2)- Trở ngại về phía chính-quyền.	54
a- Khuynh hướng chú trọng đến vấn đề quân sự nhiều hơn vấn đề xây dựng dân chủ của nhà cầm quyền địa phương.	54

- b- Sử dụng người không đúng chỗ. 55
- c- Nạn báo cáo ma để tang công. 55
- d- Chính quyền địa phương thiếu thiện chí. 55
- e- Chính quyền địa phương thiếu khả năng. 56
- f- Nạn tham nhũng và hối mại quyền thế. 56
- 3)- Trở ngại về phía nhân dân. 56
 - a- Ốc bảo thủ 56
 - b- Khuyến hướng cầu an thụ động. 56
 - c- Sự yếu kém của tổ chức trung gian tại nông thôn. 57
 - d- Tình trạng dân trí còn thấp kém. 57
 - e- Thiếu sự hoạt động của tầng lớp trí thức tại địa phương. 57
 - f- Tổ chức trung tâm cộng đồng còn sơ khoáng. 57

Chương III - Đề nghị cải cách. 58

Mục I - Quan điểm vận động quần chúng nông thôn, tham gia vào sinh hoạt dân chủ tại địa phương. 58

- 1)- Vận động quần chúng nông thôn. 58
- 2)- Kêu gọi sự tiếp tay của các đoàn thể nhân dân trung gian. 59
- 3)- Kêu gọi sự tiếp tay của các nhân vật uy tín tại địa phương. 59

Mục II - Quan điểm về chính sách giáo dục thông xuyên tại nông thôn. 60

DẪN-NHẬP

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Ở thế chiến thứ hai, các cường quốc bắt đầu tranh giành ảnh hưởng của mình đối với các quốc gia nhược tiểu đứng ngoài hai khối quyền lực quốc tế Tự Do và Cộng Sản. Đó cũng là nguyên nhân đưa đến những cuộc nội chiến mang màu sắc đấu tranh ý thức hệ rõ rệt. Tư tưởng dân chủ tự do của người quốc gia được đem ra đối kháng lại tư tưởng độc tài cộng sản. Nhưng sự thiếu phổ cập của tư tưởng dân chủ tự do đối với nhân dân đặc biệt là tại nông thôn đã là nguyên nhân thất bại của người quốc gia tại nhiều nơi. Từ đó quần chúng nông thôn vẫn có một ý thức lệch lạc về dân chủ. Chẳng hạn như tại Trung-Hoa dân chúng thuở đó vẫn còn quan niệm dân chủ như là "một ý thức hệ ngoại lai nằm ngoài sự hiểu biết của họ. Họ đã quen thuộc với những quan niệm của đạo khổng về quyền hành chuyên chế" (1).

Trái lại, nông dân Trung Hoa được nhắc nhở nhiều đến luận thuyết của Mao Trạch Đông về sự đóng góp tận kỳ vào chủ nghĩa Moscou : một căn cứ đặt ở vùng nông nghiệp được sự ủng hộ của nông dân và được sự che chở của quân đội du kích sẽ là nấc thang để nắm lấy chính quyền.

Vì vậy, để đương đầu với cuộc chiến tranh được mệnh danh là "chiến tranh nhân dân", yếu tố cần được chú trọng nhất là quần chúng. Nông thôn là nơi qui tụ đại đa số quần chúng do đó có một tiềm lực quan trọng trên lãnh vực kinh tế, quân sự và chính trị mà một sự khai thác triệt để và đúng mức sẽ đem đến sự thành công rực rỡ cho người biết khai thác nó. Với nhận định này, một chính quyền quốc gia mạnh phải được thiết lập trên một mô thức dân chủ

(1) Andrew Gyorgy và Hubert S. Gibbs, Problems in International Relations (Bản dịch do Trung Tâm Nghiên Cứu V.N. ấn hành, trang 75).

không những ở thượng tầng kiến trúc mà còn ở hạ tầng cơ sở. Giáo Sư Maurice Duverger đã nhận xét: "Ngày nay cái hồ sâu càng ngày càng chia rẽ giữa luật lệ và sự thực hành, giữa hình thức và tinh thần, giữa văn kiện và sự áp dụng. Trên thế giới có một số lớn Hiến Pháp hoàn toàn giả tạo ấn định một chế độ không ăn nhập với chế độ hiện đang chế ngự". (2) Định chế Lập Hiến, Lập Pháp tốt đẹp, khi đem thực thi lại hoàn toàn trái ngược sẽ chỉ là một loại dân chủ giấy tờ. Nông thôn phải là nơi được chánh quyền cho thực hiện những chương trình phục vụ thiết thực, cụ thể người dân trong tinh thần Hiến Định và Pháp Định. Học thức kém, mức sống thấp, làm việc làm lã khiến người dân nông thôn dễ bị cộng sản băm sát khuyến dụ họ khởi loạn chống chính quyền. Mag-saysay đã không quên nhắc nhở Tổng Thống Quirino trước khi từ chức "... Không phải chỉ giết Phi Cộng Huk là đủ, trong khi chính quyền địa phương lại tạo ra thêm mồm mống bất-mãn, mà cần phải an dân mới được lòng dân chúng. Chúng ta chỉ thắng cộng sản khi dân đứng về phía chúng ta" (3).

Tại Việt Nam, cũng như tại các quốc gia đang phải đương đầu với cuộc chiến tranh ý thức hệ núp dưới danh nghĩa chiến tranh giải phóng mà cứ điểm của cộng sản là vùng nông và rừng núi, yếu tố nhân là yếu tố tất định sự thắng bại. Sau ngày ký kết thỏa ước Genève 20-7-1954 Việt Minh đã cho gài lại một số cán bộ tại Miền Nam để rồi ít lâu sau Cộng Sản cho tái phát động cuộc chiến nhưng dưới danh hiệu có vẻ nhân dân hơn là "Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam" do Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ Tịch rập theo khuôn mẫu chiến tranh nhân dân của Lam Bửu là chiếm cứ vùng nông thôn, lấy nông thôn bao vây thành thị. Về phía Việt Nam Cộng Hòa, một mặt đối phó với các cuộc tấn công quân sự của cộng sản mặt khác thực hiện các kế hoạch để bình định và xây dựng đời sống của người dân tại nông thôn qua các chương trình di-

(2) Hứa Văn Kiến, Vấn đề dân chủ hóa nền Hành Chánh Địa Phương, trang 2, Luận Văn Tốt Nghiệp Cao Học Hành-Chính 1964-1969.

(3) Nguyễn Văn Chức, Thử đề nghị vai trò lãnh đạo chống Cộng thích nghi tại VNCH bài đăng trong sách Việt Nam trước thời cuộc chuyển hướng - Nhóm Đới Mới của Trần-Vân Ân, trang 166.

dân, chương trình dinh dưỡng, kế hoạch khu Trù Mật, Quốc Sách Ấp Chiến Lược, chương trình Ấp Tân Sinh, Ấp Đời Mới, chương trình Bình Định và Xây Dựng Nông-Thôn, Bình Định và Phát Triển trong kế hoạch Cộng Đồng Tự Vệ và Cộng Đồng Phát Triển Địa Phương, đồng thời tiêu diệt hạ tầng cơ sở cộng sản.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ.

Nông-thôn Việt-Nam là nơi đối đầu giữa hai luồng tư tưởng Quốc Gia và tư tưởng Cộng Sản. Cuộc chiến phát sinh đã diễn ra dưới tất cả mọi khía cạnh Chính trị, Kinh tế, Quân sự ... và mức độ cuộc chiến càng ngày càng khốc liệt hơn.

Từ Du Kích Chiến chuyển sang trận địa chiến. Sau ngày 27-1-1973 cuộc chiến bước vào một khúc quanh lịch sử do sự ký kết "Hiệp định Chăm Dứt Chiến Tranh và Lập Lại Hòa Bình tại Việt-Nam" giữa các phe liên hệ. Trong khung cảnh hiện nay, tuy Cộng Sản vẫn còn theo đuổi mục tiêu thôn tính Miền Nam bằng vũ lực quân sự, nỗ lực chánh trị xã hội tối đa của Cộng sản vẫn nhằm khuynh đảo cơ cấu quốc gia nhất là tại hạ tầng xã ấp đưa nước nhà từ chỗ suy yếu đến hoàn toàn sụp đổ. Lý thuyết đấu tranh giai cấp của Cộng sản còn hấp dẫn đối với quần chúng nghèo đói, chịu đựng mọi bất công của xã hội.

Cho nên để đánh bại loại chiến tranh nhân dân này của Cộng sản, điểm quan trọng căn bản là phá vỡ động cơ thu hút của nó đối với nông dân, vô hiệu hóa sự lôi cuốn của chủ thuyết chiến tranh nhân dân bằng cách :

- thỏa mãn những đòi hỏi thiết thực của người dân.
- tạo một sinh hoạt dân chủ hừng khởi tại xã ấp.
- phát triển kinh tế nông thôn trên căn bản đại chúng.

Nghĩa là phải làm sao cho người tiếp nhận chính quyền quốc gia là chính quyền của họ, giúp đỡ họ có một mức sống sung túc với một tài sản của riêng họ. Nhờ đó chính nghĩa quốc gia được soi sáng tạo một môi trường thuận lợi đáp ứng được những điều kiện tất thắng chính yếu của cuộc chiến trong vận hội mới.

Do đó vấn đề đặt ra là làm thế nào để tranh thủ quần chúng nông thôn bằng phương thức thực thi dân chủ tức là vận động sự tham gia hưởng ứng nồng nhiệt của người dân nông thôn, thực hiện các chương trình hướng về nông thôn. Đối tượng của toàn bộ chương trình trên là đại đa số quần chúng nông thôn. Nhưng đồng thời phải có sự kiểm soát, duy trì an ninh để tránh sự lợi dụng của cộng sản để lung đoạn, khủng bố và phá hoại. Mặt khác, vì người dân nông thôn sẽ phân đoạn chính nghĩa quốc gia qua các hoạt động và tác phong nhà cầm quyền địa phương tại xã ấp. Nên cơ cấu chính quyền hạ tầng phải hoạt động với tinh thần trách nhiệm chứ không thể phục vụ quyền vị kỷ, bè phái.

II. LỢI ÍCH CỦA ĐỀ TÀI.

Đặt vấn đề xây dựng dân chủ trong một khung cảnh xã hội cộng đồng xã thôn bị xáo trộn vì tình trạng an ninh, tệ trạng tham nhũng, bè phái, tức là đặt vấn đề giải quyết những mâu thuẫn nội tại của nông thôn trên nền tảng dân chủ pháp trị được tuyên nhận trong lời mở đầu, khoản 2 điều 1, Hiến Pháp ngày 1-4-1967 và qua lời tuyên thệ nhậm chức của Tổng Thống (điều 55 Hiến Pháp). Xây Dựng Dân Chủ tại Nông Thôn cũng giúp giải trừ được thuyết đấu tranh giai cấp sắt máu, một phương tiện được Cộng sản miền Bắc dùng để khuynh đảo cơ cấu xã hội Miền Nam Việt Nam và chủ động trên chiến trường nông thôn về chính trị.

III. GIỚI HẠN ĐỀ TÀI.

Và để hỗ trợ cho công tác xây dựng dân chủ trên, toàn bộ kế hoạch phải bao gồm nhiều lãnh vực khác nhau trong đó phải kể đến các lãnh vực chính yếu như Chính Trị - Kinh tế, quân sự.

Vì đề tài có tánh cách bao quát nên trong khuôn khổ hạn hẹp của bài luận văn tốt nghiệp vấn đề được trình bày trong khung cảnh nông thôn Miền Nam Việt Nam. Về thời gian dù biết rằng "hiện tại chưa đầy quá khứ và nặng trĩu tương lai" sinh viên chỉ lược qua những đặc tính chính yếu của nền dân chủ làng xã Việt Nam trong lịch sử cho đến thời kỳ độc lập 1954, và chú trọng đến vấn đề xây dựng dân chủ tại

nông thôn từ 1954 trở về sau, nhất là từ sau ngày ban hành Hiến Pháp Nền Đệ Nhị Cộng-Hòa Việt-Nam 1-4-1967.

IV. PHƯƠNG-PHÁP NGHIÊN-CỨU

Về phương thức nghiên cứu, đề tài lần lượt được nghiên cứu theo tiến trình: Thảo dàn bài sơ khởi, thu thập tài liệu qua sách vở, báo chí, phỏng vấn giới chức liên hệ, các tài liệu tại các phủ bộ, lập dàn bài chi tiết phân tích và chọn lọc tài liệu, viết bản thảo sơ khởi viết bản thảo nhất định.

V. BỐ-CỤC BÀI LUẬN-VĂN

Với phương thức nghiên cứu trình bày trên, bố cục bài luận văn được sắp xếp như sau :

Phần I.- Nhu cầu xây dựng Dân chủ tại Nông Thôn.

Phần I- Sẽ gồm có ba chương :

Chương I- Đấu tranh chánh trị và xây dựng Dân Chủ tại Nông Thôn

Chương II-Phát triển kinh tế Nông Thôn và xây dựng Dân Chủ tại Nông Thôn (chú trọng đến vai trò của Nông Dân)

Chương III- Phòng vệ quốc gia và Xây Dựng Dân Chủ tại Nông Thôn.

Phần II.- Phương thức Xây Dựng Dân Chủ tại Nông Thôn

Phần II- sẽ gồm hai chương.

Chương I- -Những phương thức đã áp dụng .

Chương II- Phương thức hiện hữu.

Trình bày các khung cảnh pháp lý và thực tại chánh trị cùng trở ngại thực hiện.

Chương II- Đề nghị cải cách-về các phương-thức vận động quần chúng nông thôn tham gia vào việc thực hiện các chánh sách quốc gia;

- Về các đề nghị về đường lối giáo-dục nhân dân và phát triển các đoàn thể trung gian : Nghiệp đoàn ,

Phần I

NHU CẦU XÂY-DỰNG DÂN-CHỦ TẠI NÔNG-THÔN

PHẦN I

NHU CẦU XÂY DỰNG DÂN CHỦ tại NÔNG THÔN

NGÀY nay không còn một đơn vị địa phương xã thôn nào còn được tự trị theo nghĩa của Athenes hay La-Mã ngày xưa. Trong cộng đồng quốc gia có một sự cách biệt rõ rệt giữa đô thị và nông thôn vấn đề của nông thôn có những khó khăn nặng nề về khía cạnh giao tế và truyền thống, trong khi vấn đề của đô thị đòi hỏi nhiều tổ chức phức tạp và tinh xảo trước nhu cầu của một tập thể dân cư hỗn tạp. Chính sự khác biệt này là của những đường lối và chính sách khác nhau giữa đối với đô thị và nông thôn.

Tại nông thôn Việt-Nam cũng như tại các quốc gia chậm tiến, thành phần nghèo đói có một thái độ bất mãn ngấm ngấm với tình trạng phân phối lợi tức hiện tại. Do đó người dân nông thôn bị cô lập ra khỏi những hoạt động chính trị của xã hội dân chủ ở cấp thượng tầng. Những bất công trên đây là động cơ thúc đẩy họ có thể dễ dàng nghe theo lời phỉ dụ hứa hẹn về một thiên đàng cộng sản. Phương châm của du kích quân cộng sản là khai thác thành phần dân chúng bất mãn chính phủ hầu nổi dậy và củng cố thế nhân dân cho cuộc chiến hiện nay.

Tuy nhiên trên thực tế Việt-Cộng đã giữ dân trong kỷ luật sắt của tổ chức đảng trị. Thế nên, sức mạnh của du kích quân Việt cộng thường khi không phải là sức mạnh của nhân dân mà là sức mạnh do tổ chức và kỷ luật. Du kích quân cộng sản làm nhân dân liên lụy vào hoạt động của chúng. Như vậy, người dân nông thôn, dù bất mãn chính quyền nhưng thực ra cũng không ưa gì cộng sản, và ở ngay số nông dân mà du kích quân nương tựa cũng không ủng hộ chúng một cách đồng đều, thuần nhất. Vì nếu đa số nông-

dân miền nam Việt-Nam ủng hộ cộng sản thì chúng đã chiến thắng từ lâu.

Nhận định trên cho thấy vai trò tối cần thiết trong việc tranh thủ quần chúng nông thôn trong cuộc chiến tranh chống cộng sản hiện nay.

Trước đây, sự thất trận của đoàn quân tình nguyện của Tưởng Giới-Thạch trước đám Hồng quân Trung-Quốc một thời là đám tàn quân của mình đã nói lên được tầm quan trọng của của người nông dân. Một chính quyền không thể tồn tại khi nông thôn luôn luôn đẩy đẩy những bất công thối nát. Vấn đề cấp thiết và trường kỳ cho chính quyền Việt-Nam Cộng-Hòa là xây dựng một sinh hoạt dân chủ ở hạ tầng cơ sở nông thôn không phải chỉ ở định chế, mà ở sự thực thi.

Nạn bất công tham nhũng tiến song hành với mức độ chiến cuộc Việt-Nam. Hơn nữa trong hiện trạng ngưng bán trên giấy tờ hiện nay, vấn đề kiến tạo một nông thôn hùng mạnh hậu thuẫn cho cuộc thương nghị ngưng bắn thật sự được xem là một chiến lược quân sự và chánh trị quan trọng.

Vì thế, vấn đề Xây Dựng Dân Chủ xuất phát từ mục tiêu đấu tranh chánh trị đặt trọng tâm là khối lượng nông dân đông đảo tại nông thôn bằng những chương trình thiết thực và hữu hiệu phù hợp với nhu cầu nguyện vọng của đồng bào nông thôn chứ không tuyên truyền suông như cộng sản. Đồng bào nông dân nhờ đó ý thức được ai xây dựng, ai phá hoại, ai giúp đỡ dân, ai khủng bố dân.

Kế đó, vấn đề xây dựng dân chủ còn nằm trong kế-hoạch nâng cao đời sống quần chúng nông thôn. Khối quần chúng nông thôn nghèo khổ, thất học, thiếu một kiến thức căn bản về chánh trị sẽ là trở ngại cho mọi chương trình, chánh sách của chính quyền. Nhưng nếu đời sống họ được phát triển, nền kinh tế quốc gia được phồn thịnh, sinh hoạt dân chủ được người dân nông thôn chủ tâm tham gia thì chính họ là một thành trì kiên cố trước vũ lực của cộng sản. "Người ta lý luận rằng nếu chỉ cần khai mào cho các quốc gia kém mở mang thành công trên con đường gia tăng sản xuất thì chúng ta có thể diệt trừ được mối đe dọa lớn lao cho các nền dân chủ phôi thai : đó là hiểm họa

cộng sản nội-bộ⁽⁴⁾

Ngoài ra, vì tất cả hoạt động nỗ lực xây dựng đời sống sung túc cho người nông dân, nỗ lực hướng dẫn, tạo điều kiện và khuyến khích họ làm quen với sinh hoạt dân chủ tại địa phương nông thôn cần được hỗ trợ bởi kế hoạch an ninh khả dĩ bảo đảm được tính mạng, tài sản của người dân cũng như viên chức chính quyền, đề tài cũng sẽ lược trình qua mối liên hệ của kế hoạch phòng vệ quốc gia và vấn đề đã đặt trong phần dẫn nhập.

Tóm lại, do sự kết hợp với các nhu cầu về mặt chính trị, kinh tế, an ninh lãnh thổ phần I sẽ được trình bày qua 3 chương dưới đây :

Chương I- Đấu tranh Chính trị và Xây Dựng Dân Chủ tại Nông thôn.

Chương II- Phát triển kinh tế nông thôn và Xây Dựng Dân Chủ tại Nông Thôn.

Chương III- Phòng Vệ Quốc Gia và Xây-Dựng Dân Chủ tại Nông Thôn.

(4) Seymour M. Lipset, Political man : the Social bases of Politics, bản dịch trang 41.

CHƯƠNG I

Đấu Tranh Chính Trị &

Xây Dựng Dân Chủ Tại Nông Thôn

Đấu tranh chính trị là một cuộc chiến tranh ít đồ máu hơn loại chiến tranh võ trang, song nó chi phối nhiều lãnh vực và đòi hỏi một kế hoạch qui mô. Bản chất của loại chiến tranh này vẫn khốc hại và hủy diệt khôn lường.

Không phải đến sau ngày ngưng bắn (do Hiệp-Định Ba-Lê ngày 27.01.1973) cộng sản mới sử dụng đến chiến trường chính trị. Trái lại đối với cộng sản, quân sự chỉ là phương tiện võ lực sau cùng trong diễn trình chiến tranh nhân dân để lật đổ chính quyền. Chính trị mới là chiến trường chính. Mao-trạch-Đông đã quan niệm quyền lực chính trị trưởng thành ngay ở nòng súng. (Political power grows out of the barrel of the gun). (5) Võ-nguyên-Giáp cũng đã nhận định "hoạt động quân sự nhằm bảo vệ, củng cố và phát triển cơ sở chính trị hạ tầng." (6)

Lý thuyết mà cộng sản đem ra để khuyến dụ thành phần nông dân Miền Nam Việt Nam là thuyết đấu tranh giai cấp. Theo đó, cộng sản quan niệm nền dân chủ nhân dân có đối tượng là thành phần dân vô sản miền Nam. Nòng cốt của thành phần này là đại đa số nông dân lớp nông dân vô sản sẽ nổi dậy tiêu diệt phú nông địa chủ bóc lột..... Lý thuyết này cũng đã có hấp lực đối với một số nông dân, nhất là tại các vùng quê heo lánh, mất an ninh, xa các trục lộ giao thông hay các vùng rừng núi hiểm trở.

Trong khi đó chủ thuyết dân chủ của người quốc gia chưa được hệ thống hóa một cách qui mô và thiếu sự phổ cập rộng rãi xuống nông thôn. Chủ nghĩa Duy Dân của Lý-Đông-A, Lý thuyết Dân Tộc Sinh Tồn của Trương-Tử-Anh,

(5) và (6) trích trong Douglas Pike, The Organisation and Techniques of the N.L.F. of South Vietnam, trang 34 và 35.

Chủ trương Nhon Vị của Linh Mục Trần-Hữu-Thanh tuy có nền tảng hạo dân để thu phục nhân tâm, đối kháng lại lý thuyết Cộng sản và Chủ Trương Đấu Tranh Giai Cấp, nhưng các cơ cấu đảng phái chánh trị Quốc Gia còn bị phân hóa không đủ mạnh để tạo căn bản chánh trị nhân dân tại nông thôn. Vì vậy nhu cầu đấu tranh chánh trị với cộng sản đòi hỏi nhiều ở chánh quyền nỗ lực giúp đỡ người dân. Các chương trình xây dựng tại nông thôn khi được thực thi đúng mức sẽ có mãnh lực tranh thủ nhân dân tại các vùng quê, một khối lượng dân chúng chiếm 66,8% dân số toàn quốc⁽⁷⁾ một hậu thuẫn đáng kể cho chiến thắng của người quốc gia.

Mặt trận đấu tranh chánh trị đã có nhiều hình thái khác nhau đáp ứng mỗi giai đoạn của tình thế, và nỗ lực xây dựng nông thôn của người quốc gia cũng thích ứng tùy địa bàn hoạt động.

1) Xây dựng dân chủ tại nông thôn để thực thi nền dân chủ pháp trị :

Sự sụp đổ của chánh quyền đệ I Cộng Hòa đã theo sự hủy hoại quốc sách Ấp Chiến-Lược. Thời gian bất ổn cố chánh trị của chánh quyền quốc gia nối tiếp được mệnh danh là những "khoảng trống chánh trị". Địa bàn nông thôn bị bỏ ngỏ và cộng sản mặc tình thao túng. Các đợt tấn công quân sự diễn ra trên hầu hết các xã ấp, quận lý và trực lộ giao thông phá hỏng các kế hoạch và chương trình xây dựng nông thôn đương thời. Nhờ vậy, Cộng sản đã gây dựng lại một hạ tầng cơ sở khá hoàn bị. Đồng thời tổ chức các tổ chức nhân dân giải phóng của chúng. Cơ sở nông thôn hạ tầng của chánh quyền quốc gia bây giờ bị ung thối và lung lay đến tận gốc rễ. Tình hình nông thôn lúc bấy giờ thật là đen tối.

Đến sau 1966 nhất từ khi chánh quyền quốc gia được thiết lập trên nền tảng của bản Hiến Pháp 1.4.1967, bộ

(7) Theo Niên-Giám Thống Kê 1972.

mặt nông thôn được thay đổi khá nhiều.

a) Sự chú trọng đến việc xây dựng đời sống người Nông Dân (của các nhà lập hiến 1967)

Sau khi xác nhận ý hướng thực hiện một nền tảng dân chủ trong khoản 2 điều 1 Hiến-Pháp và chủ trương "Quốc-Gia Việt-Nam Cộng-Hòa chống lại chủ nghĩa cộng sản dưới mọi hình thức", các nhà lập hiến 1966 chú trọng đến đời sống nông dân qua điều 21 Hiến Pháp. "Quốc-Gia chủ trương nâng cao đời sống nông dân và đặc biệt giúp đỡ nông dân có ruộng đất canh tác".

Chủ trương xây dựng dân chủ tại nông thôn còn được ghi nhận qua các điều 70, 71, 72, 73, 74, 75 Hiến-Pháp để quy định cơ chế pháp lý có liên hệ trực tiếp đến sinh hoạt người dân : đó là định chế địa phương phân quyền. Định chế này giúp người dân nông thôn có cơ hội đóng góp vào sinh hoạt cộng đồng, bênh vực quyền lợi chính mình.

b) Sự chú trọng đến đời sống nông dân để đấu tranh chánh trị của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa có tác dụng :

Cho thấy tuyên truyền và hành động của Việt Cộng là mị dân. Tại các xã ấp đã có cơ sở nằm vùng vững chắc, Ủy Ban khởi nghĩa (của Việt Cộng) ra mắt đồng bào. Ủy-Ban này chuẩn bị các phương tiện, cường bách quân chúng tổ chức các cuộc biểu tình xuống đường để ruồng bắt sát hại các viên chức tại địa phương, bắt cóc lãnh tụ tôn giáo, lợi dụng các buổi lễ tôn giáo để lôi cuốn quân chúng nổi dậy chiếm trụ sở hành chánh, cướp chính quyền, rồi tuyên bố xóa bỏ chính quyền địa phương, thiết lập chính quyền cách mạng của chúng tại đó.

Đối với những thành phần quốc gia, cộng sản sẽ vận động phong trào nhân dân tố cáo gian ác để trừ khử họ. Ngoài ra, cộng sản còn dựa vào tình trạng bất công những lạm tại các thôn ấp để vận động gây mầm mống chia rẽ giữa cán bộ chính quyền và nhân dân và giảm uy thế đảng kể của chính quyền địa phương. Đây là một ưu thế đảng kể của cộng sản nhằm tuyên truyền sách động nổi loạn. Bất công và tham nhũng đã chen ép tiếng nói của người dân thấp cổ bé miệng.

Bất công, tham nhũng là đồng lõa của phương thức vận động nhân dân vừa sắt máu (khủng bố, ám sát, bắt cóc, đe dọa) vừa tạo cơ hội để cộng sản ra vẻ anh hùng vì gian diệt bạo, hết lòng lo lắng cho người dân cô thế tại nông thôn heo lánh.

Nhận thức được tình trạng trên, chính quyền cho thực hiện nhiều chương trình hướng về nông thôn. Thành quả thu được sẽ hứa hẹn và đáp ứng đòi hỏi các quyền căn bản trong một sinh hoạt dân chủ tại nông thôn. Mục sống được nâng cao, học vấn được mở rộng, gia sản được công nhận là của người dân, các tổ chức nhân dân được khuyến khích và yểm trợ thiết lập.... Từ đó chính nghĩa quốc gia được soi sáng và hóa giải hoạt động tuyên truyền đen, tuyên truyền xám của cộng sản.

Quyết tâm xây dựng và kiến tạo đất nước nằm trong chiều hướng mà Tổng Thống Nguyễn-văn-Thiệu xác định trong lời tuyên ngôn vận động tranh cử (khi còn là ứng cử viên Tổng-Thống) vào năm 1967 : "Giải quyết chiến tranh - Xây dựng Dân Chủ - Cải tạo Xã-Hội".

"Xây Dựng Dân Chủ" là canh tân chánh trị, xây dựng một nền chánh trị toàn dân, có toàn dân tham gia góp phần lực và trí, xây dựng một cách hợp tình, hợp cảnh, hợp lý chứ không phải bắt chước những gì mà ta nuốt không trôi. (8)

Xem như vậy, xây dựng dân chủ tại nông thôn giúp chính quyền nắm giữ dân chúng trước mọi hình thức tuyên truyền xuyên tạc và còn là một lợi khí để phản tuyên truyền địch.

"Chế độ dân chủ tự do xây dựng trên sự thật, trên công lý là một ưu điểm vô cùng mạnh mẽ mà nhà tuyên truyền cần khai thác chằng những để phản tuyên truyền mà còn chủ động để tuyên truyền". (9) Thế chủ động tại nông thôn nhờ đó nằm trong tay chánh quyền Việt Nam Cộng-Hoa.

2) - Nhu cầu giữ thể chủ động chánh trị tại nông thôn

(8) Trần Văn Ân - Bài thuyết trình tại Trường Cao Đẳng Quốc Phòng ngày 11-5-1971.

(9) Võ Minh Sĩ - Võ trang tinh thần thị dân, tạp san quốc phòng số 8, trang 45.

Chính sách quốc gia và các chương trình thực hiện chỉ thành công khi có sự hưởng ứng của người dân. Vì thế không thể thiết định chính sách trong khuôn khổ một chương trình hạn hẹp duy nhất. Cũng không thể quan niệm kết quả là các con số báo cáo phổ trương.

Nhu cầu người dân ít khi xuất hiện đơn độc tại xã ấp nào đó. Nên muốn giữ thế chủ động tại nông thôn về mặt chính trị, trong bất cứ giai đoạn nào cũng cần đến công tác góp phần việc thăng tiến đời sống nông dân.

Nếu từ trước đây (1945) cho đến 1966 địa bàn hoạt động của cộng sản là nông thôn thì sự chú trọng đến đời sống nông dân sau đó, tuy chậm chạp nhưng không phải vì vậy mà hủy diệt đi. Vấn đề nông thôn hiện tại lồng trong một mô hình chiến tranh vừa cổ điển vừa bất quy ước, nghĩa là vừa tấn công ồ ạt bằng lực lượng chính quy võ trang vừa tận dụng khả năng linh động của các lực lượng địa phương. Song đấu tranh chính trị vẫn được chú trọng rất nhiều. Việt Nam Cộng Hòa chúng ta cố ưu thế hiện nay của một chính quyền hợp hiến hợp pháp do dân bầu được phát triển đến tận xã ấp. Các cuộc bầu cử các cơ quan quyết nghị xã ấp được diễn ra trong tinh thần dân chủ. Và chính ở giai đoạn sau ngày ngưng bắn, đấu tranh chính trị đòi hỏi nhiều quyết tâm và cố gắng xây dựng dân chủ, xây dựng một đời sống ấm no cho đa số dân thôn quê. "Nếu chúng ta mạnh bạo tiến lên, cộng sản sẽ ngã gục trong sức thu hút nhỏ bé nhưng thực ra là cách mạng". (10) Đóng góp của vấn đề xây dựng dân chủ tại nông thôn quả không nhỏ vậy.

Hơn nữa trong công tác xây dựng dân chủ tại nông thôn no ấm và hạnh phúc của nhân dân phải được xem là mục tiêu chính yếu. Chính quyền nào phát triển được đời sống của dân là chính quyền của dân. Cải tiến dân sinh phát huy nền kinh-tế nông nghiệp là mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh-tế nông thôn toàn diện và đủng mực.

(10) Nguyễn-mạnh-Côn - Cai trị và chính trị
Tập san Quốc Phòng số 36, trang 96.

Quyền lợi kinh tế của nhân dân phải là chủ điểm cho bất cứ một nhận định nào về kế hoạch phát triển kinh tế nông thôn của chính quyền quốc gia. Và đặc biệt nhất là của những thành phần lãnh đạo lập pháp, hành pháp trong hoạt động để tranh đấu cho nền tự do dân chủ hiến định. Mọi liên hệ mật thiết giữa phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng dân chủ tại nông thôn là đối tượng của chương kế tiếp.

CHƯƠNG II

Phát Triển Kinh Tế Nông Thôn & Xây Dựng Dân Chủ Tại Nông Thôn

VIỆT-Nam Cộng-Hòa là một quốc gia nông nghiệp với 66,8% dân số hiện đang tham gia từng phần hoặc toàn phần vào các hoạt động nông nghiệp (canh nông). Nông nghiệp không những phải thỏa mãn nhu cầu sản phẩm tiêu thụ trong nước mà còn đóng góp từ 90% đến 95% ngoại tệ thu về cho quốc gia (xuất cảng nông phẩm).

Tuy nhiên sau nhiều năm chiến tranh tình hình an ninh xã ấp bị xáo trộn nền kinh-tế nông thôn bị suy sụp rõ rệt. Các phương tiện tối thiểu để yểm trợ hoạt động nông nghiệp như: đường xá, cầu cống, đê đập đều bị hư hại và thiếu thốn rất nhiều. Hậu quả là hoạt động nông nghiệp đều bị đình trệ ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế quốc gia. Điển hình là Việt Nam biến đổi từ một quốc gia xuất cảng gạo sang quốc gia nhập cảng gạo. Vì thế việc tái thiết và phát triển kinh tế nông thôn là một trong những mối quan tâm hàng đầu của chánh phủ.

Vị thế chánh trị của việc phát triển kinh tế nông thôn

Xác định vị trí nông nghiệp (số lượng đóng góp, số lượng dân chúng đóng đảo) trong nền kinh-tế nước nhà tức là nói lên tầm quan trọng của nó trong tiến trình xây dựng nền tảng phát triển kinh tế quốc gia.

Điều 19 Hiến-Pháp 1967 khoản 2 : Quốc Gia chủ trương hữu sản hóa nhân dân.

Ở điều 20 khoản 3 : Quốc-gia đặc biệt nâng đỡ những thành phần yếu kém về kinh tế.

Điều 21 : Quốc gia chủ trương nâng cao đời sống nông dân đặc biệt giúp đỡ nông dân có ruộng đất canh tác. Đã cho thấy chiều hướng tái phân phối lợi tức cho các thành phần yếu kém về kinh-tế trong xã-hội đặc-biệt là ở nông-thôn. Và đó cũng là chiều hướng mà kế-hoạch phát triển kinh-tế nông thôn đang theo đuổi.

THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

1) Phát triển kinh-tế nông thôn để nâng cao mức sống dân quê

Mục đích tối hậu của vấn đề xây dựng dân chủ là mang lại một nền sống sung túc trong đó quyền tự do của người dân được thừa nhận. Nông dân là giới đồng bào chịu đựng sự tàn phá nhiều nhất do chiến tranh gây ra : thiếu tiện nghi vật chất, thiếu cơ chế an-ninh xã-hội hữu hiệu. Do đó cuộc sống của đồng bào nông thôn cần được nâng đỡ.

Trong thông-diệp Tết Giáp-Dần ngày 22.01.1974 Tổng Thống Nguyễn-văn-Thiệu đã xác nhận nhu cầu phát triển kinh tế nông thôn qua đường lối hoạt động hiện nay "tăng gia sản xuất, ưu tiên và mạnh mẽ là nông nghiệp, bởi từng nhà, từng ấp, từng xã để toàn quốc tự túc về thực phẩm giải quyết vấn đề củi que gạo châu trong nước và giải quyết vấn đề thiếu hụt thực phẩm đang đe dọa khắp thế giới".

Nhờ vậy người nông dân có thể được đảm bảo đời sống không phải bận tâm đến các tai ách đe dọa thường xuyên trước đây như nạn cho vay nặng lãi và nạn bị điền chủ bóc lột sức lao động. Từ sự chú tâm và nâng đỡ trên của chính sách quốc gia, nền kinh tế nông thôn có điều kiện và cơ hội được phát triển mạnh mẽ, đáp ứng nhu cầu xây dựng một hệ thống hạ tầng cơ sở quốc gia vững mạnh, dân chủ và tiến bộ.

Mục tiêu tranh thủ nhân dân, xây dựng dân chủ qua chính sách cải cách điền địa

Tranh thủ nông dân là điều kiện cốt yếu để thu đạt chiến thắng tối hậu trong cuộc "chiến tranh nhân dân". Vì thế cả hai phe chính quyền quốc gia và cộng sản đều cho thực thi công cuộc cải cách điền địa của Việt-Nam Cộng-Hòa có một ưu thế vượt hẳn. Nó thỏa mãn nhu cầu thiết thực của nông dân : cấp đất để nông dân canh tác và công nhận quyền tự hữu của họ trên thửa ruộng đang trực canh, gia tăng lợi tức cho nông dân một thành phần căn bản và đông đảo nhất của quốc gia. Nó cũng đã đặt lại mối tương quan trong xã hội nông thôn, hủy bỏ chế độ tá canh bằng phương thức ôn hòa, tôn trọng nhân vị của con người (qua luật 003/70).

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
LVHC 1305

Như vậy chính sách Cải Cách Điền Địa của Việt-Nam Cộng-Hoa có tác dụng :

- Bình đẳng về phân phối lợi tức tại nông thôn : Trước đây, tá điền làm công trên vài ba mẫu ruộng so với một gia sản ruộng đất mệnh mông của chủ điền. Người nông dân tá điền chịu sự chèn ép bóc lột qua các khe ước thuê mướn ruộng bất bình đẳng. Nguyên vọng tha thiết của họ là được làm chủ thửa ruộng mình đang canh tác. Nguyên vọng này đã được đáp ứng qua chính sách cải cách điền địa hiện hành của chính quyền Việt-Nam Cộng-Hoa.

- Tạo cơ hội thăng tiến đồng đều cho mọi người :

Người nông dân, do tác dụng tái phân phối lợi tức nói trên, sẽ không còn bị đe dọa thường xuyên của nghèo đói bệnh tật. Họ có cơ hội trau dồi kiến thức, tăng gia sản xuất phát triển đời sống về cả mặt vật chất lẫn tinh thần. Họ cũng sẽ có điều kiện tham gia sinh hoạt dân chủ chính trị, tham gia hoạt động của các đoàn thể nhân dân chính trị hoặc phi chính trị tại đại phường nông thôn hay ở đẳng cấp quốc gia.

Các chương trình cải cách điền địa của Việt-Nam được thực hiện do các văn kiện căn bản sau :

- Dự số 19 và dự số 22 ngày 04.06.1953
- Dự số 2 ngày 08.01.1955
- Dự số 7 ngày 05.02.1955
- Dự số 57 ngày 22.10.1956
- Luật số 003/70 ngày 26.03.1970 (luật Người Cày Có Ruộng)
- Sắc luật 047-TT/SLU ngày 14.12.1972

Trong số đó chương trình Người Cày Có Ruộng là một đóng góp vừa tiến bộ vừa táo bạo.

Động cơ thúc đẩy sự ra đời của chương trình "Người Cày Có Ruộng" vừa có tính cách kinh tế vừa có tánh cách chính trị.

Người nông dân thực sự canh tác đã từng bị bóc lột

phải được bảo vệ, và tình trạng bóc lột này phải được chấm dứt bằng cách cho họ làm chủ mảnh đất họ đang cày cấy. Trong diễn từ đọc nhân ngày 26.03.1970 có nói rõ rằng ".... một trong sứ cách mạng cứu nước một đạo luật ảnh hưởng quyết định đến sự sống còn của đất nước, đến tương lai của một dân tộc Cách mạng ruộng đất hôm nay mang lại một nếp sống mới cho nông dân, cho điền-chủ, cho cả xã-hội Việt-Nam".

"Cấp phát ruộng đất là cấp phát cơ hội đồng đều cho đông bào xã hội nông thôn đồng tiến, tiến tới một tổ chức một đời sống mới tại nông thôn."

Luật 003/70 cũng cho thấy quyết tâm hữu sản hóa nông dân : trong điều 12 có ghi "ruộng đất tái phân sẽ được cấp phát vô thường cho mỗi gia đình nông dân một diện tích tối đa là 3 mẫu tây tại nam phần và một mẫu tây tại Trung-Phần.

Chương trình "giúp nông dân có ruộng đất để canh tác không hẳn chỉ nằm trong việc truat hữu ruộng đất của các đại điền chủ để phân chia cho nông dân, nhưng còn nằm trong việc khuyến khích và giúp đỡ khẩn hoang, khai thác những khu vực chưa hề canh tác. Công việc sau này mới chính là tối quan trọng và khẩn thiết hơn". (11)

Ngoài ra, vì gắn liền với vấn đề khuyến khích nông nghiệp, chương trình nông tín được xem là một phương tiện hữu hiệu để nâng cao mức sống nông dân, cải thiện cơ cấu xã hội nông thôn và góp phần tích cực trong việc phát triển kinh-tế nông thôn.

- Nhu cầu xây dựng dân chủ tại nông thôn và phát triển kinh tế nông thôn qua chương trình tín dụng nông thôn.

Chương trình tín dụng nông thôn được sự giúp đỡ của hệ thống ngân hàng phát triển nông nghiệp và các ngân hàng phát triển nông thôn tại mỗi quận lý. Hiện nay công tác giúp vốn cho nông dân để canh tác được thực hiện song song với hoạt động cải tiến dân sinh đòi hỏi sự hợp tác chặt

(11) Truông-Tiến-Đạt, Hiến-Pháp Chú-Thích, trang 139
Saigon - 1967

chế giữa chính phủ và nông dân. Nông dân phải giác ngộ quyền lợi và nhiệm vụ gia tăng sản xuất, đồng thời chính phủ hướng dẫn việc thực hiện.

2)- Phát triển kinh tế nông thôn để xóa bỏ đối tượng của thuyết đấu tranh giai cấp

Đường lối xã hội chủ nghĩa và Dân Chủ bình dân của Cộng Sản đã quan niệm giải pháp tập sản hóa điền thổ (collectivisation des terres) như một phương thức hiệu nghiệm để san bằng lợi tức, và tiêu diệt bất công của xã hội nông thôn, và giúp du nhập các phương pháp tân kỳ mà sự du nhập làm thay đổi và canh tân điều kiện sản xuất. Trong bước đầu có 3 lãnh vực nông nghiệp khai thác là tư nhân khai thác tập toàn khai thác và chính phủ khai thác (nông trường quốc gia hay xã ấp. Riêng trong lãnh vực tư nhân khai thác cộng sản quan niệm có 3 giai cấp là :

- bản cố nông
- nông dân trung lưu
- phú nông

Theo giáo điều của Lênine, phú nông là nông dân phạm tội khai thác và trục lợi nông dân lao động (bản cố nông, nông dân trung lưu), sử dụng nhân công nhưng trả tiền thù lao không đúng mức để làm giàu. Hạng phú nông này phải bị triệt hạ. Ủy ban xã ấp có bốn phận lột mặt nạ bọn phú nông.

Mặt trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam đã dùng chủ thuyết đấu tranh giai cấp để lôi kéo nông dân vào cuộc đấu tranh cách mạng lật đổ giai cấp địa chủ. Đây là phương thức xóa bỏ tàn tích của chế độ tá canh và trung gian bao tá, thanh toán thành phần địa chủ bóc lột. Tuy nhiên cộng sản đã nhận danh công bằng tự do, dân chủ và tiến bộ để bóc lột sức lao động của nông dân một cách tinh vi, tước đoạt quyền sống của con người, chà đạp các quyền tự do thiêng liêng. Phương thức đấu tố hết sức dã man đã kéo lùi nền văn minh nhân loại về thời kỳ bần khai.

Không nằm trong giải pháp của xã hội chủ nghĩa đường hướng phát triển kinh tế nông thôn tại Việt Nam Cộng Hòa đặt trên căn bản tôn trọng quyền tự hữu, và tạo cơ hội để người dân hành sử quyền này như hữu sản hóa nông dân, cung

cấp ruộng đất, tư bản để dân chúng canh tác trồng trọt chăn nuôi. Nông dân được quyền làm chủ vài ba mẫu ruộng, được giúp vốn để làm ăn... phát triển đời sống cho chính mình đồng thời đóng góp vào sự phát triển nền kinh tế quốc gia. Đối tượng nông dân vô sản sẽ chỉ còn là các bóng mờ không đất dung thân. Cộng sản sẽ lung tung vì không còn lý tưởng để đấu tranh, không còn lý do chính đáng để tuyên truyền cho chúng.

Tóm lại nhu cầu phát triển kinh tế nông thôn trên căn bản đại chúng đóng góp vào tư tưởng đấu tranh của người quốc gia chống lại cộng sản. Đối với trận chiến trường kỳ, phát triển kinh tế nông thôn là điều kiện cơ bản để quốc gia có thể chịu đựng trước sự khuyh đảo trường kỳ của đối phương, và đồng thời cũng là một yếu tố chính yếu xác định giá trị của chế độ chính trị của chúng ta.

Hơn nữa nông dân còn là một hậu thuẫn chính trị đáng kể khi chính quyền thực sự kiểm soát được họ. "Lịch sử đã chứng minh rằng một khi những đòi hỏi về vật chất và tinh thần đã được thỏa mãn đầy đủ, được sống trong một xã hội công bằng và ổn cố nông dân sẽ là một lực lượng bảo thủ về chính trị" (12).

Sau nữa vấn đề xây dựng dân chủ tại nông thôn còn đòi hỏi một môi trường an ninh. Do đó an ninh lãnh thổ là điều kiện cần thiết yểm trợ sách lược đấu tranh chống cộng sản để xây dựng đời sống người dân trên khía cạnh kinh tế, xã hội, giáo dục...

(12) Hoàng Xuân Hòa, luật Người Cay Có Ruộng và Chánh Sách Cải Cách Điền Địa Tập San Quốc Phòng số 11 tháng 5 năm 1971, trang 111.

Phòng Vệ Quốc Gia &

Xây Dựng Dân Chủ Tại Nông Thôn

I HỰC trạng nông thôn Việt Nam về mặt an ninh có thể được chia thành :

- Vùng quốc-gia kiểm soát
- Vùng xôi đậu : có sự kiểm soát của chính quyền quốc gia ban ngày và cộng sản ban đêm
- Vùng mất an ninh do cộng sản kiểm soát

Sự phân chia trên không có nghĩa là tại những vùng mất an ninh dân chúng ngã về phe cộng sản, hoặc tại những vùng quốc gia kiểm soát không có sự hoạt động của cộng sản. Người dân nông thôn sẽ có thái độ thế nào đối với chánh-sách quốc gia ? Viên chức chính quyền có dám tích cực phục vụ đồng bào không nếu cộng sản còn khả năng quốc rỗi, khủng bố tuyên truyền bôi lọ chính quyền quốc gia, chụp mũ cộng sản những thành phần tích cực hoạt động cho quốc gia ? Nói cách khác an ninh lãnh thổ là điều kiện tối cần cho sự thực thi chánh sách quốc gia, trong đó kế hoạch xây dựng nền dân chủ tại hạ tầng nông thôn đóng vai trò chủ yếu. Khi nền an ninh được mở rộng, chính quyền có thể gia tăng sự hiện diện về mặt hành chánh tại nông thôn, các ban quản trị xã ấp địa phương được trao thêm quyền hạn qua các cuộc bầu cử viên chức địa phương các dự án của chương trình tự túc phát triển do chính dân làng bình nghị quyết định về việc sử dụng ngân khoản do chính quyền trung ương cung cấp.

Do đó công tác xây dựng dân chủ tại nông thôn đòi hỏi sự yên trợ của chánh sách phòng vệ quốc gia hữu hiệu, ngăn chặn nỗ lực quân sự của các lực lượng chính quy cộng sản Bắc Việt, vô hiệu hóa các lực lượng cơ hữu địa phương, tiêu diệt và chiêu hồi du kích quân và hạ tầng cơ sở cộng sản.

1) - Như câu thiết lập một chánh sách phòng vệ quốc gia hữu hiệu để yên trợ vấn đề xây dựng dân chủ tại nông thôn trong

giai đoạn vừa qua.

Trong một môi trường nông thôn chịu sự kiểm soát từ hai phía chính quyền quốc gia và cộng sản người dân phải chọn lựa hoặc hưởng ứng chương trình xây dựng của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa hoặc giữ thái độ cầu an bất hợp tác. Sự chọn lựa này khiến cho chính sách quốc gia cần được yểm trợ về phương diện an ninh.

- Trước đây Tổng Thống Ngô Đình Diệm cũng đã hô hào chiến dịch tổ cộng lan tràn, xuống tận thôn ấp. Mục tiêu của chính sách phòng vệ quốc gia bất giờ là chống 3 thứ giặc : giặc chia rẽ, giặc chậm tiến và giặc cộng sản. Đó cũng là động cơ thiết lập quốc sách ấp chiến lược.

- Trong thời kỳ chuyển tiếp vì thiếu một chính sách phòng vệ, vấn đề an ninh tại nông thôn phó mặc cho các lực lượng an ninh địa phương. Vì vậy chương trình ấp tân sinh thời bấy giờ không gặt hái được kết quả mong muốn.

Các lực lượng ám sát, khủng bố của cộng sản đã nỗ lực tối đa tạo một trạng thái bất an đối với dân chúng cũng như viên chức chính quyền địa phương

• Người dân nông thôn vốn dĩ đã cầu an thụ động lại càng cầu an thụ động hơn. Họ không dám có một thái độ tích cực hay song khai hưởng ứng và tham gia sinh hoạt cộng đồng tại xã, ấp.

• Các viên chức xã, ấp luôn luôn nơm nớp lo sợ, nhiều nơi phải lưu vong, Sinh hoạt chánh trị tại nông thôn hoàn toàn bị tê liệt.

Trong hai giai đoạn trên, chương trình xây dựng dân chủ tại nông thôn bị đình trệ. Có thể nói tình trạng an ninh tại nông thôn là chướng ngại để nuôi dưỡng và phát triển mọi hoạt động xây dựng dân chủ và phát triển kinh tế quốc gia.

2) - Như cần thiết lập chính sách phòng vệ quốc gia hữu hiệu để yểm trợ chương trình xây dựng dân chủ tại nông thôn trong hiện tại.

Kể từ 1966 chính quyền đã cố một lập trường chống cộng rõ rệt. Nhờ vậy quan niệm phòng vệ quốc gia khá hoàn bị.

Chánh sách phòng vệ quốc gia được thiết lập do sự phối hợp quan niệm tự túc với quan niệm vừa chiến đấu vừa xây dựng. Song song với những cuộc hành quân qui mô của các lực lượng tổng trừ bị của Việt Nam Cộng Hòa là chiến dịch hướng về nông thôn ; chánh sách phòng vệ quốc gia nhằm :

- Tách rời cộng sản ra khỏi nhân dân (bẻ gãy thế cây răng lược) - tiêu diệt hạ tầng cơ sở địch, công tác phá hoại và khủng bố bị ngăn chặn đến mức tối đa. Dù vậy hoạt động của cộng sản vẫn được tiếp tục để gây xáo trộn tại nông thôn. Cố gắng của địch được ghi nhận qua cả tài liệu binh vận của Trung Ương Cục Miền Nam chẳng hạn như trong tài liệu "Kế hoạch công tác binh vận" từ tháng 10 đến tháng 12-1972 có đoạn như sau : "Yêu cầu chiến lược là vận động rả, tiêu diệt hoàn toàn phòng vệ, dân vệ tạo điều kiện làm sụp đổ nguy quân ... vùng kèm mới vận động rả và tiêu diệt căn bản phòng vệ, tề ấp, diệt nắm rả từ 30% đến 50% canh-sát bình định tề xã" (13).

- Duy trì an ninh tại nông thôn.

Ngoài ra, trong nhu cầu duy trì an ninh tại thôn ấp kế hoạch tự phòng giúp nhân dân giữ gìn canh mạng và tài sản của chính mình một cách hữu hiệu.

Như vậy chánh sách phòng vệ quốc gia được sử dụng để kiện toàn an ninh lãnh thổ đối kháng lại chiến lược chiến tranh nhân dân :

• Bẻ gãy kết hợp chính trị quân sự, thế kết hợp từ du kích chiến sang chiến tranh quy ước và ngược lại từ chiến tranh quy ước sang chiến tranh du kích.

• Triệt hạ hệ thống giao liên, cắt rời hệ thống chỉ đạo chiến tranh của cộng sản với các lực lượng quân sự của cộng sản tại địa phương.

• Tách rời nhân dân ra khỏi vòng kèm tỏa của cộng sản các lực lượng quân sự của cộng sản sẽ bị cô lập hẳn với

(13) Võ Trường Sơn, Chiến Lược Cộng Sản trong giai đoạn tiếp sau ngưng bắn. Tạp San Quốc Phòng số 36 tháng 6 năm 1973, trang 9.

hậu phương của chúng.

• Tạo môi trường thuận tiện để phát triển hạ tầng cơ sở dân chủ của ta, kích động nhân dân tham dự vào sinh hoạt công quyền.

Chính sách phòng vệ cũng cần phải phối hợp với các hoạt động thuộc lãnh vực kinh tế, chính trị và các lãnh vực khác. Theo một nhà quân sự của Việt Nam Cộng Hòa : "Quân sự là yếu tố đòn bẩy - Chính trị là yếu tố cơ bản - Kinh tế là điều kiện thiết yếu". "Tác chiến hỗ trợ cho bình định phát triển và an ninh lãnh thổ" và "vừa chỉ đạo tác chiến vừa chỉ đạo xây dựng" (14)

KẾT LUẬN TẠM PHẦN I.

Tóm lại, để đối kháng lại binh thuyết chiến tranh nhân dân, một phương thức đấu tranh của tổ chức Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam, nỗ lực xây dựng một nông thôn hùng mạnh của chính quyền Việt Nam phải được yểm trợ tích cực về mặt Chính trị, quân sự, xây dựng một nền kinh tế nông thôn trên căn bản đại chúng.

Nói cách khác song song với chương trình xây dựng dân chủ tại nông thôn chính quyền cần thực hiện nhiều chương trình yểm trợ khác về mặt đấu tranh chính trị, về mặt phát triển kinh tế nông thôn và một chính sách phòng vệ quốc gia hữu hiệu.

Trong chiều hướng đó, đường hướng hoạt động của Việt Nam Cộng Hòa hiện tại được ghi nhận trong bốn công tác lớn là :

- Kiện toàn an ninh lãnh thổ

Trong đó quyền sinh sống, quyền làm việc, quyền tư hữu của người dân được bảo vệ ngay cả ở các thôn ấp hẻo lánh; tiêu diệt hạ tầng cơ sở cán bộ cộng sản nằm vùng, và còn bao gồm ý nghĩa phong tỏa kinh tế địch, giải tỏa kinh-

(14) Đỗ Ngọc Nhận, Vấn Đề Chỉ Đạo Trong Chiến Tranh Việt Nam (trích lại trong Tạp San Quốc Phòng số 11 tháng 5/71 trang 211).

tế ta.

- Tăng gia sản xuất đặt nặng trên căn bản nông nghiệp
- Kiện toàn guồng máy công quyền để trực tiếp giúp đỡ quần chúng một cách nhanh chóng tại xã ấp và hướng dẫn nhân dân tăng gia sản xuất.
- Đẩy mạnh lãnh mạng hóa xã hội để loại trừ nạn áp bức lạm quyền, tham nhũng gây bất mãn trong nhân dân.

Nỗ lực mưu cầu hạnh phúc cho quần chúng nông thôn còn đòi hỏi hoạt động phục hồi và tái thiết đồng bào nạn nhân chiến cuộc, tái thiết thiệt hại do chiến tranh gây ra. Ngoài ra vấn đề nâng cao dân trí cũng cần được thực hiện thường xuyên để người dân nông thôn ủng hộ và tham gia chính sách quốc gia.

Đối chiếu với sách lược chống cộng của Thống Chế Papagos tại Hy Lạp ta thấy đường lối giáo hóa dân chúng để tranh thủ nhân dân và tiêu diệt mầm mống bất mãn, an hiệu chính sách của quốc gia được áp dụng song song với một kế hoạch phát triển kinh tế và công tác thiết trí cơ sở tình báo nhân dân Thống Chế Papagos đã thành công dù khi mới ra nắm quyền chính quyền Hy Lạp còn ở thế yếu kém. Tương tự như trên, chiến thắng Phi Cộng Huk của Magsaysay do sách lược chống cộng đặt trên trọng tâm cải tạo xã hội và đấu tranh chính trị.

Nhưng sách lược chống cộng được thi hành đúng mức và thích nghi với khung cảnh đặc thù của Miền Nam Việt Nam mới chiến thắng cộng sản Việt Nam được. Nằm trong quan niệm trên, các phương thức xây dựng dân chủ tại nông thôn Việt Nam được thực hiện để kiến tạo đời sống trù phú thịnh vượng đảm bảo tài sản, tính mạng cho người dân nhất là tại nông thôn.

Muốn thế, phương thức thực hiện phải được nghiên cứu kỹ lưỡng và được thực thi đúng mức nghĩa là phải đáp ứng nhu cầu chính đáng của người dân, vận động được sự tham gia của quần chúng nông thôn của các đoàn thể dân chúng, đoàn thể tôn giáo và chính trị địa phương.

Vì vậy trong phần II nói về những phương thức xây dựng

dân chỉ tại nông thôn sẽ cũng trình bày qua những khía cạnh
được đề cập trên.

Phần II

PHƯƠNG THỨC XÂY-DỰNG DÂN-CHỦ TẠI NÔNG-THÔN

PHẦN II

PHƯƠNG THỨC XÂY DỰNG DÂN CHỦ tại NÔNG THÔN

Xây dựng một thượng tầng kiến trúc dân chủ của quốc gia như ban hành Hiến pháp, bầu cử Tổng Thống, Quốc Hội, sinh hoạt đảng phái ở trung ương... thiết tưởng vẫn chưa đủ. Một đạo luật, một chính sách dù hay đến đâu nhưng không thực hiện được mục tiêu đã đặt ra vẫn chỉ là một tài liệu ở ngăn kéo. Nói cách khác phương thức thực hiện, cách thi hành chính sách quốc gia, tinh thần làm việc của người thi hành mới đóng góp trực tiếp để phục vụ người dân mà các nhà lập hiến, lập pháp và kế hoạch gia chỉ tam theo đuổi.

Ở Văn-Đề Xây Dựng Dân Chủ tại Nông Thôn, phương thức thực hiện có đóng góp như thế nào và đòi hỏi sự thi hành ra sao, sự trình bày sẽ được ghi lại trong ba chương dưới đây:

Chương I - NHỮNG PHƯƠNG THỨC ĐÃ ÁP DỤNG

Chương II - PHƯƠNG THỨC HIỆN HỮU

Chương III - ĐỀ NGHỊ CẢI CÁCH.

CHƯƠNG I

Những Phương Thức Đã Áp Dụng

LỊCH sử Việt-Nam đã ghi chép nhiều về sự thay đổi cơ-cấu chính-trị làng xã. Làng xã khởi thủy được xây dựng trên một ý thức chính-trị của nền văn-minh nông-nghiệp, nghĩa là lấy canh-nông làm căn-bản cho công cuộc phát-triển quốc-gia.

MỤC I : Sơ lược về lịch-sử chính-trị làng xã ở Việt-Nam

1. - Định chế làng xã trước 1884

Trong làng xã dưới chế độ phong kiến, đẳng cấp "kê sĩ" được trọng đãi như giai tầng lãnh đạo hạ tầng cơ sở quốc gia. Kế đến là giai cấp phú hào địa chủ và sau cùng là giai cấp bạch đinh. Giai cấp này bị đóng viên vào mọi công tác tạp dịch trong làng mà không được hưởng một quyền nào của làng xã.

Đến năm 907, theo chính sách Xã thôn tự trị của Khúc Hạo làng chỉ là một đơn vị nhỏ của xã. Đứng đầu xã là Xã Trưởng do dân bầu. Ông làng được luân -hiên bầu lên hàng năm trong tầng đồng họ có quyền quyết định về việc tế tự về luật lệ của dân. Quyền hạn này tuy không rõ ràng nhưng về phương diện tinh thần. (Ông làng) đều được dân làng kính nể.

Sang đời nhà Lý, chức xã trưởng đổi thành xã quan do chính quyền trung ương bổ nhiệm. Làng chia thành nhiều giáp đặt dưới quyền quan giáp do dân bầu. Triều đình chỉ giữ vai trò giám sát mà thôi. Vì thế các nhà khảo sát chính trị Việt Nam đều cho rằng ở Việt Nam đã có chế độ địa phương phân quyền từ thời nhà Lý. (15)

(15) Phạm Chí Tha, Lược khảo về tổ chức Chính Trị Làng Xã Việt-Nam, tạp san Nông Thôn mới số 23, năm 1972 trang 68 và kế tiếp.

Đơn vị xã bị hủy bỏ dưới thời Minh thuộc. Làng được lấy làm đơn vị hành chính địa phương đặt dưới quyền cai trị của lý trưởng do người Tàu bổ nhiệm.

Khi Lê Lợi thu hồi độc lập, song song với chính sách "Bình quân địa quyền" đơn vị xã được phục hồi. Những làng có nhiều dân cư được coi là xã.

Bước sang thời Trịnh Nguyễn, tổ chức làng, xã hoàn toàn đổi mới. Làng có thêm Hội đồng Hương chính do Chánh Hương hội điều khiển. Chức giáp quan được thay bằng chức tộc biểu, tượng trưng cho tinh thần gia tộc.

Bản hương ước riêng biệt của mỗi xã được thành hình dưới thời Vua Gia Long. Bản hương ước do dân làng soạn thảo và có thể được xem là một hình thức hiến pháp đã manh nha ở Việt-Nam.

Những định chế này khiến cho làng xã hầu như biệt lập với chính quyền trung ương và gần gũi với cá nhân trong xã

- Hội đồng kỳ mục (cơ quan quyết nghị của xã) không do dân bầu gồm các thân hào nhân sĩ trong xã, hội đủ điều kiện ghi trong bản hương ước.
- Xã trưởng do dân bầu và được triều đình thừa nhận có trách nhiệm liên lạc với triều đình và thi hành các quyết nghị của hội đồng kỳ mục.

2. * Dưới thời pháp thuộc

Dưới thời Pháp thuộc làng xã vẫn được duy trì tánh cách tự trị dù có lúc người Pháp có dự tính sửa đổi chế độ hành chính hương thôn và đã phá uy thế của các bậc kỳ hào trong xã.

Tóm lại lịch sử cho thấy cơ cấu làng xã Việt Nam được xây dựng trên mối liên hệ chặc chẽ giữa người dân trong xã và chính quyền xã. Người dân trong xã cảm thấy như có một sợi giây vô hình ràng buộc mình xã hội cộng đồng xã-thôn.

Tuy nhiên vì tình trạng mất an ninh tại nông thôn Người dân tại các thôn xã đành phải lìa bỏ nơi chôn nhau cắt rốn để lập nghiệp mưu sinh tại một vùng đất khác, đặt

vấn đề định cư cho chính quyền phải giải quyết.

MỤC II: Các chương trình định cư trong quá khứ

Người ta nhận thấy các chương trình định cư đã có tác dụng tái phân phối dân cư một cách hợp lý hơn.

Đa số dân chúng di cư từ các vùng đất cằn cỗi, đất chật người đông đến sinh sống tại các vùng nông thôn phì nhiêu rộng rãi. Có khoảng 90% dân di cư là thành phần nông dân lam lũ yếu kém về kinh tế. Họ mơ ước một cuộc sống tiên nghi sung túc hơn. Chiều hướng thực thi dân cư ở đây là đáp ứng ước vọng chính đáng trên của họ, tạo cơ hội thăng tiến cho tầng lớp nông dân yếu thế của xã hội nông thôn, qua các công cuộc định cư lập nghiệp.

Trước đây các chương trình định cư lập nghiệp để khai khẩn đất hoang và phát triển dân sinh được thực hiện dưới thời Nguyễn Vương.

Về sau nhà cầm quyền Pháp tại Việt Nam cũng khuyến khích dân chúng đến định cư tại các vùng Cái Sơn Kiên - Giang. Số dân di cư thuộc các tỉnh Nam Định, Thái Bình, gồm 750 gia đình và 3800 dân (16).

Tại địa điểm định cư, mỗi gia đình được cấp phát những dụng cụ cần thiết trong nhà như phản để ngủ, bếp, cối xay, chậu vai, ruộng nhỏ và ruộng đất: 5 mẫu để làm màu và 3 mẫu để khai phá đợt sau. Công tác đào kinh thoát nước cho hơn 5000 mẫu ruộng cũng được hoàn tất mỹ mãn. Ngoài ra chính quyền còn thực hiện công tác xây cất bệnh xá hộ sinh, nhà kho để chứa nông cụ và hạt giống, chợ nhỏ và trường học. Chương trình được định cư tại Cái Sơn thành công tốt đẹp nhưng các dự án kế tiếp của họ (dự án di dân đến Sóc Sơn, Thổ sơn. Mỹ Lâm thuộc miền Tây Nam - Phần) bị bỏ dở vì quân Nhật tràn qua Việt Nam.

(16) Trần Văn Đình. Tìm hiểu công cuộc định cư dân chúng V.N trong quá khứ, Tạp san quốc phòng tháng 3/1974 trang 28 và kế tiếp.

Mục III: Công cuộc định diên thời đê nhất cộng hòa

1. - Đại cương

Năm 1954, chương trình định cư và cứu trợ cho gần một triệu dân Bắc Việt di cư là một nỗ lực đáng kể của chính phủ Việt Nam cộng hòa.

Phải nhìn nhận rằng chương trình định cư 1954 đã đạt nhiều thắng lợi to lớn về phương diện chính trị của Việt-Nam Cộng Hòa. Người dân di cư Bắc Việt đã không mản đến lời hứa hẹn về một thể chế "tân dân chủ" của Việt - Minh, bất chấp sự cản trở của cán bộ công sản, bất chấp mọi hiểm nguy lìa bỏ quê hương thân yêu của mình vào sinh - sống tại Miền Nam tự do. Ngày nay cứ ai đi qua miền Hồ Nai, Biên Hòa, Gia Kiêm, Túc Trưng, miền Long Khánh Bảo Lộc, Lâm Đồng, Tùng Nghĩa Tuyên Đức, hay miền cao nguyên Pleiku, Ban Mê Thuộc, hay vùng Hải Yến Cà Mau, người ta còn ngạc nhiên thêm và thần phục sức xây dựng cần cù và khai thác tối đa đất đai của người dân Bắc Việt, từ những vùng đất phì nhiêu hoang dã người dân Bắc Việt đã biến - thành những nơi trù phú đông đúc, kiến thiết sản xuất không ngừng, bành trướng và tăng trưởng một cách mãnh liệt.

Đến năm 1956, do sự thành công lớn lao trên chính - quyền thời Đê Nhất Cộng Hòa tiếp tục cho thực hiện chương trình định diên với chủ trương "thoát ly vô sản, tôn trọng nhân vi" mà đối tượng chính vẫn thành phần nông dân yếu kém về kinh tế.

Sự thực hiện

Đê phụ trách chương trình định diên chính quyền cho thiết lập một cơ quan gọi là Phủ Tổng Ủy Định Diên. Cơ quan này phụ trách việc lựa chọn các địa điểm định cư và điều động tổng quát việc thực hiện. Địa điểm định cư được chọn tại địa điểm có đủ khả năng nuôi sống toàn trại khí hậu tốt và thuận tiện việc giao thông. Mỗi gia đình định cư được cấp đất để khai khẩn từ 1 đến 3 mẫu ruộng hay 1 đến 1 mẫu đất bưng vườn. Đồng bào cũng được cấp phát nông cụ, hạt giống, trâu bò, gà vịt để canh tác chăn nuôi. Đồng bào sống với nghề chài lưới thì được cấp phát ghe máy, lưới, cần câu. Chỉ chỉ toàn bộ chương trình lên

rất cao. Tuy nhiên nhờ ở sự trợ giúp của các quốc gia bạn như Hoa Kỳ, Pháp và Tổ Chức Quốc Tế khác trên thế giới chương trình tiến triển một cách khả quan theo đúng các mục tiêu đã đề ra là :

- Khuyến khích trồng nông nghiệp : Gia tăng diện tích canh tác khuyến khích việc trồng cây kỹ nghệ.
- Phân phối loại dân cư : giải quyết vấn đề nhân dụng trong lãnh vực nông nghiệp
- Tư sản hóa nông dân : cho dân cày có ruộng và làm chủ mảnh đất đang khai thác (đất được cấp).
- Cải tiến dân sinh : hướng dẫn giúp đỡ nâng cao mức sống của đồng bào kinh và đồng bào thiểu số.

Chương trình được phổ biến rộng rãi, các phương thức vận động rí tai được tận dụng mang lại kết quả tốt đẹp lúc ban đầu. Nhưng về sau, vì muốn tăng công cấp trên, một số cán bộ viên chức chánh quyền đã báo cáo những kết quả sai sự thật, lừa gạt hoặc ép buộc đồng bào địa phương đến địa điểm dinh điền gây bất mãn và chống đối. Hơn nữa sau 1960 cộng sản Việt Nam đã bắt đầu nỗ lực ngăn chặn phá hoại khiến số dân di cư hạ xuống rất nhiều.

Kết quả chương trình dinh điền 1957-1963 cho ta thấy sự giảm sút nói trên :

Năm	Nhân số	Địa điểm	chi phí (triệu)
1957	40.582	17	240,08
1958	43.479	29	145,78
1959	57.880	35	338,4
1960	51.480	40	495,
1961	35.182	21	401,77
1962	33.557	29	430,
1963	29.270	21	267,9

Mục IV : Khu trừ mật

Chương trình khu trừ mật được thiết lập tháng 3 năm 1960 nhằm giúp cho nông dân cải tiến đời sống của họ. Do

đó Khu Trù Mật được lựa chọn tại những nơi có điều kiện để phát triển kinh tế. Trong diễn văn nhân ngày lễ Khánh Thành khu trú mật vị Thanh Tra Tổng Thống Ngô Đình Diệm quan niệm rằng : " Ý nghĩa Khu Trù Mật là xây dựng một xã - hội mới để thực hiện công bằng, bác ái và đồng tiến xã hội với những phương tiện của một nước kém mở mang, một nước thiếu tiên, thiếu cán bộ những cương quyết tiến nhanh".

1. - Đối tượng của chương trình khu mật trú là giải quyết tình trạng sinh sống của đồng bào nông thôn ở nơi bùn lầy nước đọng thất học, thiếu sự chú tâm của nhà cầm quyền trước đây, một cuộc sống bị đe dọa thường xuyên của nghèo đói, bệnh tật, sợ sệt trước mọi thế lực của cường hào ác bá.

Ngoài công tác giải quyết vấn đề sinh sống của đồng bào chương trình khu trú mật còn nhằm các mục tiêu :

- Khuyến khích trường kinh tế nông nghiệp qua các tổ chức hợp tác xã và hiệp hội nông dân.
- Kiểm soát an ninh trộm cướp và sự phá hoại của Việt Cộng.
- Nâng cao lòng tương trợ và giá trị lễ nghĩa cổ-truyền.

2. - Tiêu chuẩn lựa chọn địa điểm để thiết lập khu trú mật đại để như sau :

- Gần trục lộ giao thông, thủy bộ
- Không quá xa đối với ruộng đất đang canh tác.
- Đất đai tốt, rộng rãi.
- Thuận tiện việc bố trí an ninh

Mỗi địa điểm gồm ít nhất 200 nóc gia xung quanh có đào kinh lớn bao bọc, giữa có nhiều kinh nhỏ phân lô. Đất đào kinh dùng đắp đường. Các khu vực trong địa điểm gần khu hành chánh, khu gia cư và vườn trại. Mỗi gia đình được cấp khoản 4800m² đất.

3. - Thể thức thực hiện

Khu trú mật được thực hiện theo thể thức cộng-

đồng: chính quyền hướng dẫn kỹ thuật, đôn đốc, dân chúng góp công góp sức.

Riêng công tác tại khu gia cư và vườn trại do nông dân phụ trách theo lối liên gia tương trợ, chung sức nhau làm.

4. - Thành quả

Chương trình đã hoàn thành được 25 địa điểm với số gia đình đến lập nghiệp 7.698 trên một diện tích là 6.706 mẫu đất được khai khẩn. (17)

5. - Nhận xét

Chương trình khu trù mật là một phương thức nâng cao đời sống người dân (đa số là nông dân) tại các vùng yếu kém về kinh tế, thực thi công bằng xã hội và giáo dục dân chủ công đồng. Chương trình còn giúp gia tăng diện tích đất đai khẩn hoang, gia tăng nông phẩm sản xuất và chân bột được nạn đốt rừng rẫy. Từ đó tình đoàn kết được thể hiện (của sự chung góp sức xây dựng) và không còn phải nhờ vả vào trợ cấp của chính phủ.

Tuy nhiên chương trình thiếu sự quảng bá rộng rãi và vận động trước để có sự tham gia nhiệt thành. Phần lớn đồng bào bị bố buộc tập trung vào khu trù mật gây sự bất mãn chống đối. Hơn nữa các viên chức địa phương tổ chức qua loa cho có hình thức nhưng báo cáo những thành tích tốt đẹp. Ngoài ra nạn tham lam và ăn xén đồ trợ cấp vẫn còn gây bất bình cho mọi tầng lớp nhân dân.

Sau hết chương trình thiếu tánh cách đại chúng (mỗi tỉnh chỉ thiết lập 1 hay 2 khu trù mật) trong khung cảnh bất lợi vì đã có sự hiện diện của cộng sản tại nông thôn

Mục V : Quốc sách Ấp Chiến Lược

(17) Thành tích 9 năm hoạt động của chánh phủ. Saigon trang 738 - 1963 Thư Viện Quốc Gia.

Nối tiếp các chương trình dinh điền và chương trình khu trừ mạt là quốc sách áp chiến lược. Vì tình hình an ninh tại nông thôn bấy giờ suy kém rõ rệt nên chương trình nặng về tánh cách chiến lược đấu tranh kháng cộng. Tuy nhiên không vì thế mà chính quyền bỏ quyền công tác thực thi dân chủ.

1. - Khía cạnh đấu tranh chính trị trong quốc sách áp chiến lược.

Ý đồ của cộng sản là kiểm soát trên 16.000 ấp ở Việt Nam. Chiến trường đấu tranh thật sự của cộng sản bấy giờ là cuộc đấu tranh tại làng xã và thôn ấp. Theo Robert G.K. Thompson chỉ có cách là cắt đứt căn bản của họ (Việt Cộng) tức là dân chúng mới chiến thắng cộng sản và khuyến cáo này được xem là căn nguyên của Quốc sách áp - chiến lược (18).

Quốc sách áp chiến lược tập trung dân chúng từ các vùng mạt an ninh vào các địa điểm được sự che chở vào bảo vệ của các lực lượng an ninh quốc gia. Nhờ đó các đường lối và chánh sách quốc gia dễ dàng thực hiện hơn đồng thời tránh được sự tuyên truyền xuyên tạc lối kéo quần chúng của việt cộng.

2. - Công tác thực thi dân chủ

Quốc sách áp chiến lược khôi phục lại truyền thống dân chủ tại thôn ấp, thực thi nền dân chủ pháp trị tại hạ tầng nông thôn và phát triển tình đoàn kết giữa quần chúng với chính quyền và giữa quần chúng với nhau.

a) Khôi phục lại truyền thống dân chủ tại thôn ấp qua sự thiết lập và thi hành bản hương ước. Bản hương ước ghi lại những điều giao kết của nhân dân trong ấp. Ban trị sự ấp và hội đồng ấp cùng quân trưởng sở tại thảo hoạch. Sau đó theo nguyên tắc, dự thảo hương ước được

(18) Nguyễn Hữu Khôi, Thử tìm hiểu một quan niệm chống du kích VN., Tập san nghiên cứu hành chánh tập XIII - số 2 tam cá nguyệt 2 - 1970 trang 9.

đem ra biểu quyết trước một đại hội gồm tất cả nam nữ công dân tới tuổi bầu cử, đầy đủ quyền công dân, theo một đa số tương đối.

Bản hương ước sẽ có hiệu lực sau khi quân trưởng sở tại kiến thi. Nhân dân trong thôn ấp có nghĩa vụ tôn trọng bản hương ước.

b) Thực thi nền dân chủ pháp trị tại hạ tầng nông thôn (phụ bản trang 36)

Quốc sách ấp chiến lược còn nhằm mục tiêu tạo trong lòng mỗi người dân ý niệm được bảo bọc bởi chế độ nhân vị cộng đồng tiến và công bằng xã hội để kiến tạo những đơn vị hạ tầng có đủ khả năng về chính trị, kinh tế xã hội. Các ban trị sự ấp và hội đồng ấp do dân bầu lên thay vì do quân trưởng chỉ định như trước.

c) Phát triển tinh thần đoàn kết giữa nhân dân và chính quyền giữa nhân dân với nhau qua các công tác bảo vệ và xây dựng ấp.

Ngoài ra vấn đề cải tiến dân sinh kiện toàn và phát triển kinh tế văn hóa cũng được chính quyền thời Đệ Nhất Cộng Hòa lưu tâm đến qua các chương trình cải cách điền-địa, chương trình giáo dục và y tế hương thôn...

Mục VI : Chương trình tái phân ruộng đất

Ngoài việc khẩn hoang ruộng đất và mua lại các sở ruộng của Pháp kiều, chính quyền cho xúc tiến chương trình tái phân phối ruộng đất (Đu 57 ngày 22-10-1956) chương trình đặc nhượng công sản..., trong số đó chương trình tái phân phối ruộng đất là quan trọng hơn cả theo đó diện tích truất hữu được ghi nhận là 430.319ha diện tích đã cấp bán lại cho nông dân là 245.851ha (19).

Như vậy số ruộng đất cấp còn quá ít so với số ruộng truất hữu cổ bởi thường vì ruộng đất truất hữu được cấp

(19) Thành tích 9 năm hoạt động của chính phủ trang 751.

bản chổ không phải cấp nhất vô thường và suất hửu trí cũn khá cao 100ha. Tuy nhiên nếu so sánh với chương trình tái phân ruộng đất ở Miền Diên, Tây Hồi và Phi Luật Tân thì luật 57 của ta vẫn cũn tiến bộ hơn nhiều.

Mục VII : Chương trình Giáo Dục và y tế tại nông thôn

Phát triển giáo dục đến các thôn ấp là một trong những mục tiêu của chính sách giáo dục quốc gia chương trình giáo dục tại nông thôn dự trữ xây cất 1320 lớp học trong năm 1963 tại các ấp chiến lược, đào 81 giảng nước tại các trường tiểu học thôn quê thiếu nước uống, đào tạo 880 giáo viên được gọi là ủy viên giáo dục và 380 hiệu trưởng đáp ứng nhu cầu mở mang dân trí tại nông thôn. Chi phí thực hiện do sự trợ giúp của phát bộ viên trợ kinh tế Hoa Kỳ (USOM) và cơ quan viên trợ văn hóa Á Châu đại thọ (20).

Khi công việc giáo dục đã tiến hành có hiệu quả tại các ấp chiến lược, Ty tiểu học sẽ phối hợp với ty Y tế và ty nông vụ để giảng dạy về vệ sinh và y học, chăn nuôi trồng trọt.

Mục VIII : Nhận định tổng quát về các chương trình xây-
dựng tại nông thôn của chính quyền Đệ Nhất
Cộng Hòa

Nếu cuộc định cư đồng bào Bắc Việt di cư năm 1954 đạt được thắng lợi chính trị lớn trên mặt quốc nội cũng như quốc tế do ý chí phấn đấu và xây dựng căn cứ của người dân, thì công cuộc định diên 1957 chỉ định đạt được mục đích giới hạn vì ý muốn tăng công của viên chức chính quyền, vì sự khiếm khuyết vận động người dân tham gia. Các chương trình kế hoạch sau này tuy phương thức thực hiện được sự hỗ trợ và nỗ lực tối đa của chính quyền, song vẫn không tránh khỏi các khuyết điểm căn bản sau :

- Chương trình được thực hiện trong một tình trạng

(20) Thành tích 9 năm hoạt động của chính phủ, trang 420

an ninh suy đồi do các cuộc tấn công liên tiếp, các lực lượng an ninh cơ hữu địa phương không chống đỡ nổi.

- Mục tiêu phát triển cộng đồng bị lệch lạc
- Chương trình ôm đồm của nhiều công tác qui mô trong khi thời gian và phương tiện tài chánh còn yếu kém.
- Tinh thần trách nhiệm của viên chức địa phương và sự thiếu theo dõi, kiểm soát của chính quyền trung ương.

Vì vậy các chương trình về sau không còn đáp ứng đúng nguyện vọng của người dân nông thôn.

- Một số nhà phê bình còn cho rằng chương trình lại được thực hiện trong tương quan mâu thuẫn giữa khuynh hướng độc tài của cấp lãnh đạo và ý muốn thực thi nền dân chủ pháp trị tại nông thôn để canh tân diệt cộng.

Dù vậy các chương trình cũng đã đóng góp vào mục tiêu xây dựng đời sống người dân nông thôn (Tỉnh lý Chương Thiện là khu trừ diệt Vi Thanh trước kia) và cũng làm cho Việt cộng lúng túng lúc ban đầu (trước quốc sách ấp chiến lược).

PHỤ BẢN : Kết quả thực thi dân chủ tính đến ngày
7 - 7 - 1963
(QUỐC SÁCH ẤP CHIẾN LƯỢC)

- 7.387 ấp chiến lược, khóm chiến lược, Phường chiến lược bầu xong ban quản trị tức 65,31% số ấp dự trù.
- 6.980 ấp chiến lược, khóm chiến lược, Phường chiến lược bầu xong hội đồng ấp tức 61,84% số dự trù
- 6.080 ấp chiến lược, khóm chiến lược, Phường chiến lược đã có hương ước tức 53,69% số dự trù
(Xuất xứ: thành tích 9 năm hoạt động của chánh phủ)

Mục IX : Kế hoạch bình định và xây dựng tại nông thôn trong thời kỳ chuyển tiếp

Sau chính biến 1-11-1963 cơ cấu thượng tầng quốc gia bất ổn nên guồng máy chính quyền xã ấp bị lung lay đến tận gốc rễ. Tình hình an ninh tại nông thôn ngày càng suy đồi. Trong khung cảnh đen tối ấy, chương trình ấp tân - sinh được mang ra thi hành, nhưng kết quả thâu lượm chẳng có gì khả quan nếu không muốn nói là thất bại. Bảng ghi nhận dưới đây cho thấy tình trạng sa sút của tình hình an ninh nông thôn.

Thời gian	số ấp đã hoàn thành	Các ấp chưa xây dựng	đơn số trong ấp
Tháng 4/1964	6562	782	55%
" 5/1964	4207	không rõ	không rõ
" 12/1965	3.800	không rõ	không rõ

Vì vậy nông thôn bị chìm đắm trong chiến tranh khốc liệt nghèo đói, bệnh tật, di đoan mê tín khiến nông thôn cách biệt hẳn với thị thành. Không phải chỉ xa cách về hình thức, khung cảnh mà là một sự xa cách như tách rời hẳn cộng đồng quốc gia đến độ cộng sản có thể bám vào đó để tai hại. Chương trình xây dựng nông thôn năm 1966 có mục đích chấm dứt tình trạng bị thương đó để mang lại cho đồng bào nông thôn nếp sống có an ninh, công bằng, dân chủ và tôn trọng quyền tự hữu người dân.

Trong huấn thị đề ngày 1-12-1965 của Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ (chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương) chương trình xây dựng nông thôn đặt trên những điểm căn bản sau :

Điểm căn bản 1. - "thành phần tối quan trọng và quyết định sự thành công (của chương trình) là DÂN"

Điểm căn bản 2. - "khi mang áp dụng chánh sách này tại địa phương cán bộ phải biết nghe

(21) William A. Nighswonger, Rural Pacification in Viet-Nam, trang 63-Thư viện Trường Quốc Gia Hành Chánh.

ước vọng thành khẩn của dân"...

Điểm căn bản 3. - "thiết lập chánh quyền hạ tầng thật sự dân chủ phá vỡ hạ tầng cơ sở địch

Chương trình xây dựng nông thôn còn đặt nặng lĩnh vực bình định tranh giành lãnh thổ, quần chúng trong tay công sản. Tính đến gần cuối năm 1967 chính quyền Việt Nam cộng Hòa đã kiểm soát được 60% dân chúng trong và một số thôn ấp như sau : (22)

- Xây dựng 297 ấp/567 ấp dự trữ
- Bình định 45 ấp/215 ấp dự trữ
- củng cố 94 ấp/321 ấp dự trữ.

Đó chỉ là giai đoạn khởi đầu củng cố lại hạ tầng nông thôn sau bao năm bỏ ngõ. Hơn nhiên trong kế hoạch xây dựng nông thôn dài hạn chương trình còn phải đạt tới mục tiêu tối hậu là kết liên nông thôn và thành thị vào cộng đồng quốc gia thành 1 khối thống nhất (23)

Các mục tiêu của chương trình bình định xây dựng phát triển được chia thành nhiều chương trình như: chương trình tự túc phát triển xã, chương trình y tế hương thôn, chương trình giáo dục nông thôn.

(22) Thành tích hoạt động của nội các chiến tranh (1966 - 67) trang 194 - Thư viện quốc gia.

(23) Diễn văn của Thiếu Tướng Nguyễn cao Kỳ, chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương ngày 19-6-1967.

CHƯƠNG II

Phương Thức Hiện Hữu

Như đã trình bày, chánh sách quốc gia cần phải được bộ máy chính quyền thực hiện một cách đúng mức. Đối với quần chúng nông thôn những gì cụ thể, trực tiếp liên hệ tới cuộc sống của họ mới là một hình thức dân vận hữu hiệu nhất như nhà ở, áo mặc, ruộng cày, tài sản tính mạng được bảo vệ... Do đó, chính quyền phải thiết trí "bộ máy chiến tranh hòa bình, chiến tranh chánh trị văn hóa, chiến tranh dân chủ" (24)

Chính quyền Việt Nam Cộng Hòa hiện nay được xây dựng trên nền tảng hiến định nên đường lối và chánh sách cần được điều hướng trong một khung cảnh pháp lý hiện hữu. Vấn đề xây dựng dân chủ tại nông thôn hiện nay không những được thực hiện bằng các cuộc bầu cử tại xã thôn mà còn bằng chương trình cải tiến dân sinh, tạo cho mỗi gia đình một gia sản sung túc một mức sống khá đĩ để có thể sử dụng được những quyền hiến định.

Mục I : Khung cảnh pháp lý và chương trình thực hiện.

1.- Việc xây dựng một hệ thống chính quyền dân cử tại nông thôn

Kế Hoạch Đỉnh định xây dựng năm 1969 giúp mở rộng chủ quyền quốc gia trên toàn lãnh thổ và lấy xã làm khởi điểm cho công tác an ninh và phát triển. Vấn đề thiết lập một hệ thống chính quyền dân cử tại xã ấp là công tác hết sức quan trọng vì các lý do sau đây :

(24) Trần Văn Ân, những mục tiêu chánh trị và đường lối hành động của VNCH trong 5 năm tới, bài thuyết trình trước trường Cao Đẳng Quốc Phòng ngày 11-5-1971, sách đã dẫn trang 77.

a) Việc xây dựng chính quyền dân cử tại nông - thôn nằm trong khuôn khổ hiến định và pháp định

Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa 1-4-1967 có qui định trong điều 70 : Nguyên tắc địa phương phân quyền được công nhận cho các tập thể địa phương có tư cách pháp nhân như xã (tỉnh, thị, xã và thủ đô).

Trong điều 71 : Các cơ quan quyết nghị và các vị chỉ huy các cơ quan chấp hành các tập thể địa phương phân quyền sẽ do cử tri bầu lên theo lối phổ - thông đầu phiếu trực tiếp và kín

" Riêng ở cấp xã, xã trưởng có thể do hội đồng xã bầu lên trong số các hội viên hội đồng xã". Và theo các điều khoản trên việc bầu cử xã trưởng và hội đồng xã có một căn bản hiến định vững chắc.

Ngoài ra mối tương quan và quyền hạn của quan quyết - nghị đối với cơ quan chấp hành của xã được trù liệu trong văn kiện căn bản sắc lệnh 198-SLĐUHC ngày 24-12-1966 và các văn kiện sau này như sắc lệnh 198-SL/NV ngày 1-4-1969 sắc lệnh 039-SL/NV ngày 24-4-1971.

b) Việc xây dựng một hệ thống chính quyền dân cử tại nông thôn phù hợp với kế hoạch và chính sách quốc gia

Phối hợp hoạt động của chương trình Bình Định xây dựng năm 1969 công tác bầu cử tại đơn vị hạ tầng đạt các mục tiêu sau: (25).

- Thực thi dân chủ tại hạ tầng cơ sở để thể hiện quyết tâm xây dựng một nền dân chủ pháp trị sâu rộng
- Tranh thủ với đối phương về phương diện chính trị

(25) Tài liệu Bộ Nội Vụ đề ngày 21-1-1969 về vấn đề bầu cử xã ấp theo kế hoạch Bình Định xây dựng 1969.

tổ chức bầu các hội đồng nhân dân xã và ban trị sự ấp trong các vùng quốc gia kiểm soát để phát huy niềm tin tất thắng của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa trong công cuộc xây dựng quốc gia dân chủ và tiến bộ, đồng thời gây tiếng vang rộng lớn trên chính trường quốc nội và quốc tế.

Công tác bầu cử được thực hiện song song với chương trình bình định nên khi xã ấp được bình định đến đâu, chính quyền cho tổ chức bầu cử ở nơi đó.

2. - Việc xây dựng dân chủ tại nông thôn qua chương trình Bình Định xây dựng và phát triển hiện tại

Chương trình Bình Định xây dựng và phát triển hiện nay nhằm mục đích phát triển điều hòa xã ấp trên ba bình diện chính trị, kinh tế, xã hội, bằng những dự án lớn nhỏ có tác dụng ảnh hưởng trực tiếp đến nhân dân xã ấp. Một số cơ sở y tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, công chánh canh nông và ngư nghiệp được thiết lập đem lại cho dân chúng nông thôn một đời sống tiện nghi và thịnh vượng hơn.

Phần lớn công tác được đóng góp bằng sự vận động tham gia công của về phía dân chúng. Các dự án do chính dân chúng bình nghị và tự thực hiện. Chính quyền chỉ hướng dẫn yểm trợ.

Ngoài ra để giải quyết nạn cho vay nặng lãi chương trình tín dụng phát triển nông thôn được thực hiện với sự phối hợp của Ngân Hàng phát triển nông nghiệp và Bộ Phát triển Nông Thôn (lãi suất nhẹ, không cần bảo đảm nào về tài sản đối với nông ngư dân thực sự sản xuất, thì tục vay đơn giản).

Trong cuộc phỏng vấn Ông Tổng Trưởng Bộ Phát Triển Nông Thôn của Việt Tân xã ngày 9-11-1973 Ông Tổng Trưởng cho biết "nhu cầu cấp thiết tại nông thôn hiện nay là tái thiết hạ tầng cơ sở và giúp dân gia tăng lợi tức" và "để giúp dân chúng nông thôn có thêm điều kiện gia lợi tức cần tăng số tiền cho vay để họ có thêm phương tiện canh tác".

3.- Chương trình cứu trợ và phục hồi đồng bào nạn nhân chiến tranh.

Nông thôn Việt Nam là nơi chịu đựng sự tàn phá của chiến tranh nặng nề nhất. Sau những trận chiến lớn, số đồng bào từ các vùng lâm chiến đổ xô về các tỉnh lỵ và thành phố để lánh nạn gia tăng rất mau. Vấn đề cấp thiết của xã hội được đặt ra là trợ giúp số đồng bào kém may mắn trên.

a) Chương trình cứu trợ đồng bào nạn nhân chiến cuộc lánh cư.

Trước đây do cuộc tổng công kích 1968 chính quyền đã ban hành nhiều biện pháp cứu trợ ngày 13-8-68 sang năm 1972 vì con số đồng bào lánh cư chiến tranh gia tăng lên khoảng 650.000 người, chương trình cứu trợ được tổ chức qui mô hơn. Các văn kiện tổ chức ban hành là :

Thông tư 1504-PTT/HDTUTTCT ngày 13-6-72

Thông tư 1040/BXH/UBCTKC/KH/TT ngày 11-7-72

Nghị định số 301 BXH/CTNNCC/NĐ ngày 8-8-72 và thông tư thi hành cùng ngày quy định thể thức cứu trợ và biểu xuất trợ cấp.

Công tác cứu trợ được điều hướng bởi các nguyên tắc sau :

- Địa điểm tạm cư (các trung tâm tiếp cư) thiết lập tại nơi có an ninh và điều kiện sinh sống. Chính quyền địa phương nên sử dụng các công ốc sẵn có hoặc dựng lều vải.
- Các đoàn thể nhân dân chỉ tham gia công tác cứu trợ tại các trung tâm tiếp cư dưới sự điều động của trung tâm trưởng.
- Các nạn nhân chiến cuộc lánh cư được hưởng trợ cấp là ba tháng và có thể được gia hạn từng tháng một.
- Nếu tình hình an ninh cho phép các trung tâm tiếp cư sẽ được giải tỏa ngay...

Chương trình cứu trợ đồng bào nạn nhân chiến cuộc

lánh cư có tác dụng nuôi dưỡng tinh thần quốc gia của đồng bào khi lâm nạn giúp họ có thể làm lại cuộc đời theo đúng tinh thần của điều 18 Hiến Pháp khoản 2 "Quốc gia có nhiệm vụ thiết lập chế độ cứu trợ xã hội..."

Tuy nhiên công tác bảo trợ chỉ là giai đoạn. Sự trợ giúp đúng mức khi đồng bào nạn nhân có thể xây dựng lại những gì đổ vỡ hay định cư tại một nơi an toàn hơn có đủ điều kiện để gây dựng một cuộc sống an cư lạc nghiệp hơn.

b) Chương trình hồi cư định cư theo kế hoạch khẩn hoang lập ấp

Khi quê quán của đồng bào nạn nhân chiến - cuộc lánh cư đã được tái chiếm chính quyền cho đồng bào hồi cư. Nhưng nếu địa điểm trên vẫn còn nằm trong tay cộng sản đồng bào có thể xin được định cư tại một địa - điểm mới. Chương trình định cư theo kế hoạch khẩn hoang lập ấp được thực hiện rộng rãi hơn và đặt trên căn bản tự nguyện.

Sự thực hiện

Tại khu vực khẩn hoang lập ấp (lựa chọn trên tiêu - chuẩn có đủ điều kiện sinh sống, gần trục lộ giao thông mỗi gia đình được cấp phát đất đai và phương tiện để canh tác, phát triển chăn nuôi trồng trọt...

Các cơ sở cộng đồng cũng được thiết lập như chợ búa, nhà hộ sinh, trường học.* Tổ chức nhân dân tại đây cũng được khuyến khích thành lập như hiệp hội nông dân, hợp tác xã hội phụ huynh học sinh.

Các địa điểm khẩn hoang lập ấp sẽ lần lượt được địa phương hóa với những cơ sở hành chánh xã ấp. Hiến đã có vài địa điểm đã thiết lập cơ cấu chính quyền địa phương như Sủi Nghê (Phước Tuy) và một vài địa điểm ở Rừng Lá (Long Khánh). Điểm đáng lưu ý là công tác điều hành các khu định cư của chánh quyền phải nhờ sự giúp đỡ rất

* Phụ bốn trang sau.

nhiều của các vị lãnh đạo tinh thần như (Phật giáo, Công giáo...)

Phụ bản

BẠC TIỂU HỌC CÔNG LẬP
Trường Ấp Tân Sinh-Nạn Nhân Chiến Cuộc-Chiêu Hồi
(Niên khóa 1972 - 73)

	Số trường ốc		Số Giáo Viên	Số Học Sinh
	Sơ cấp	tiểu học		
Vùng I	245 Lớp 542	21	530	20.009
Vùng II	20 Lớp 164	12	159	6.384
Vùng III	17 Lớp 112	2	109	4.398
Vùng IV	249 Lớp 666	6	580	21.475
Tổng số	531 Lớp 1.484	41	1378	53.266

Trường dành cho học sinh tiểu học gốc thiểu số

Trường : 723; Lớp 1379. Giáo viên 1220; Học sinh 49.081

(Xuất xứ: tài liệu thống kê của Bộ Giáo Dục)

Tuy nhiên vì kế hoạch khẩn hoang lập ấp đòi hỏi ở ngân sách quốc gia tài trợ một mức khá cao (dù rằng đã được cơ quan Cordis/War Victims tài trợ đến 90% chi phí cho chương trình) và vì dư luận nghi ngờ có sự mờ ám trong việc trợ cấp (đồng bào, đoàn thể nhân dân chỉ muốn trực tiếp mang quà tặng đến tay đồng bào nạn nhân chiến-cuộc) nên có vai đại diện dân cử trong cơ quan lập pháp đề nghị đình chỉ hẳn sự thi hành. Tuy vậy con số đồng bào nạn nhân chiến cuộc được giúp đỡ đến nay lên đến

1.365.754 người (26) tính đến cuối năm 1972!.

4. - Chánh sách cải cách điền địa hiện nay

a) Tóm lược một vài nét chính của chánh sách cải cách điền địa trước ngày 26-3-1970

Trong thời pháp thuộc đời sống của người tá-điền thật bấp bênh do sự bóc lột của một thiểu số địa-chủ. Công sản đã nhân đó biến cuộc khởi nghĩa đấu tranh giành độc lập thành cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa công sản

Từ ngày thu hồi độc lập chính quyền tìm cách giải - quyết tình trạng trên qua các văn kiện sau :

- Dụ số 20 ngày 4-6-1953 sửa đổi bởi dụ số 2 ngày 8/1/1955 theo đó chủ điền tá điền phải ký kết khế ước ràng buộc nghĩa vụ đôi bên với mức địa tô giới hạn từ 15% đến 25% trị giá hoa lợi vụ mùa chính và một số nghĩa vụ hỗ tương khác.
- Dụ số 7 ngày 5-2-1955 buộc các địa chủ phải khai thác lại ruộng đất bỏ hoang vì thời cuộc, nếu không chính quyền địa phương sẽ giao cho nông dân đang canh tác khai thác (năm đầu miễn địa tô, năm thứ 2 trả 1/2 địa tô, năm thứ 3 trả 3/4 địa tô).

Đến thời Đệ Nhất Cộng Hòa vấn đề tái phân ruộng đất theo chế độ của dụ số 57a ngày 22-10-1956. Dụ này được áp dụng cho đến ngày 26-3-1970 với thành quả được ghi nhận là có 167.352 nông dân được hữu sản hóa (cấp bán để nông dân mua lại) trên một diện tích canh tác là 385.790 mẫu(27)

Ngoài ra còn một số chương trình khác như đặc nhượng công sản, trại định cư, khu trừ mật ... (ghi nhận trong chương I)

b) Chương trình tái phân ruộng đất theo luật 003/70 ngày 26-3-1970 (luật người cày cấy ruộng)

(26) Tài liệu Phủ Phó Thủ Tướng đặc trách khẩn hoang lập ấp
(27) Tài liệu Tổng Nha Điền Địa.

- Mục tiêu

Đại cương chương trình "người cày có ruộng" nhằm một số mục tiêu cơ bản như:

- Hữu sản hóa nông dân : giúp những nông dân đang thực sự canh tác làm chủ thửa ruộng của mình, hủy bỏ chế độ tá canh và trung gian bao tá. Nông dân được cấp phát vô thưởng một diện tích ruộng đất tối đa là 3 mẫu ở miền nam và 1 mẫu ở miền trung.
- Truất hũu có bồi thường cho các điền chủ. Số tiền bồi thường được tính theo tiêu chuẩn 20% trả bằng tiền mặt trị giá ruộng đất, 80% trả bằng trái phiếu thường niên có hưởng lãi 10% một năm và trả trong vòng 8 năm.
- Thúc đẩy điền chủ và nông dân chủ trọng đến việc canh tác nếu không ruộng đất sẽ bị thu hồi để cấp phát cho nông dân khác.

Giá trị về mặt chính trị

Từ những mục tiêu trên, chương trình người cày có ruộng có giá trị không những về mặt kinh tế xã hội mà còn có giá trị về mặt chính trị.

• Thực thi hiện pháp

Như đã đề cập trong phần trước chương trình "người cày có ruộng" thực hiện những chủ trương cơ bản của Hiến Pháp đệ nhị cộng hòa Việt Nam qua các điều khoản : điều 19, khoản 2 (về chủ trương công nhân và bảo vệ quyền lợi tư hữu) điều 19 khoản 3 (hữu sản hóa nông dân) điều 21 khoản 3 (giúp nông dân có ruộng cày) điều 20 khoản 3 (nâng đỡ các thành phần yếu kém về kinh tế, và điều 18 khoản 3 nâng đỡ đời sống của chiến sĩ quốc gia.

• Chương trình người cày có ruộng có tính cách của một cuộc cách mạng thực sự

Quyết tâm của nhà lãnh đạo quốc gia trình bày trong các diễn văn đọc ngày 26-3-1970 (đã đề cập ở phần I trang 18) được thực hiện và đạt được một thành quả khả quan. Nếu

đem so sánh con số hữu sản hóa trong vòng 7 năm dưới chế độ thời Đệ Nhất Cộng Hòa là 115.321 nông dân (theo dự 57) liên quan tới 246.166^{ha} so với con số hữu sản hóa trong 1 năm của luật "NCCR" là 162.131 nông dân với 210.371 ha, ta thấy con số nông dân hữu sản hóa trong 1 năm nhiều hơn số nông dân được hữu sản hóa trong 7 năm (28) và tính cho đến ngày 26-3-1973 đã có 858.821 nông dân được hữu sản hóa liên hệ đến một diện tích 1 triệu 003.325 mẫu (29). Riêng trong năm 1973-74 đã hữu sản hóa 210.000 nông dân với 250.000 ha.

Chương trình "người cày có ruộng" tranh thủ nhân tâm trong cuộc đấu tranh chánh trị với cộng sản

Thực thi các mục tiêu dân chủ hiến định trên, chương trình người cày có ruộng đóng góp tích cực vào công cuộc đấu tranh chánh trị với ý thức hễ độc tài cộng sản. Tranh thủ nhân tâm đặc biệt là nông dân giúp cho chính quyền quốc gia kiểm soát được người dân. Hơn thế nữa quyền chúng nông thôn sẽ tiếp nhận chính quyền của họ. Yếu tố nhân dân sẽ ở về phía chính quyền trong cuộc chiến tranh dưới một hình thức chiến tranh nhân dân do cộng sản phát động.

Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu cung cấp đất cho người muốn canh tác và chủ trương nâng đỡ thành phần yếu kém chính quyền còn cho thi hành chương trình đặc nhượng đất công sản tư dụng quốc gia thôn quê.

c) Chương trình đặc nhượng đất công sản tư dụng quốc gia thôn quê (theo sắc luật 047/72 ngày 14-12-1972 và sắc lệnh 146-SL/PTNNĐĐ ngày 24-8-1973)

Các đặc điểm đáng lưu ý của chương trình này là :

- Thống nhất đường đất nhượng để tạo cơ hội đồng đều cho mọi công dân .

(28) Hoàng xuân Hào, sách đã dẫn trang 108

(29) Tài liệu Tổng Nha Điền Địa.

- Cải thiện chế độ cấp đất.
- Dành ưu tiên cho việc định cư lập ấp hay sung dụng đất để thi hành kế hoạch phát triển kinh tế nông thôn.

Mục tiêu hữu sản hóa được xem như mỗi tiếp chương trình "người cày có ruộng" người cày được hữu sản hóa ai muốn cày thì được cấp đất để cày" (Thông điệp Tổng - Thông ngày 26-3-1974)

Chương trình đặc nhượng đất công sản tư dụng quốc gia thôn quê sẽ được tiến hành để thiết lập một hạ tầng cơ sở sản xuất. Tại các địa điểm này đồng bào sẽ vừa là một nông dân sản xuất vừa là một chiến sĩ bảo vệ tài sản của mình.

Nỗ lực cấp đất cho người "muốn cày" được xem là một thử thách can đảm của chính quyền trong chiều hướng thực thi Hiến Pháp và để thỏa mãn nhu cầu trên các phương diện và nhân viên được đem đến ngay tại xã nhờ đó việc cấp đất được dễ dàng, nhanh chóng hơn.

Ngoài chương trình người cày có ruộng và chương trình đặc nhượng đất công sản tư dụng quốc gia thôn quê chánh sách của cải cách điền địa hiện nay còn liên hệ đến chương trình nông tín, kế hoạch khẩn hoang lập ấp... Toàn bộ các chương trình quốc gia hiện nay phần lớn có đối tượng là quần chúng nông thôn sẽ giúp kiến tạo một đời sống sung túc cho họ (nhất là nông dân). Từ đó, thế tất thắng về chính trị của người quốc gia sẽ đánh bại chủ thuyết cộng sản độc tài tại Miền Nam Việt Nam. Trong khung cảnh đó, ưu thế của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa sẽ hậu thuẫn cho thế mạc cả chính trị tại Hội nghị Ba Lê đang diễn tiến hiện nay

Mục II : Trở ngại thực hiện

Vấn đề xây dựng dân chủ tại nông thôn gặp phải khó khăn do thời cuộc, tình hình an ninh và tinh thần của cán bộ viên chức thực hiện cũng như nhân dân tại nông thôn có thể xem trở ngại thực hiện bắt nguồn từ 3 lãnh vực chính :

- Do khu biến chuyển của thời cuộc và tình hình nông thôn hiện nay.
- Trở ngại về phía chính quyền
- Trở ngại về phía nhân dân.

1. - Trở ngại do biến chuyển của thời cuộc và tình hình nông thôn

a) Tình trạng phi hòa phi chiến hiện nay

Miền Nam Việt Nam hiện nay trên nguyên tắc đã có một nền hòa bình do Hiệp định Ba Lê ngày 27-1-1973 mang lại. Tuy nhiên trên thực tế cuộc chiến quân sự vẫn tiếp tục diễn ra trên toàn lãnh thổ. Trong tình trạng bất ổn hiện nay các kế hoạch quốc gia khó thực hiện được như ý muốn.

Hơn nữa sự đầu tư của tư bản ngoại quốc vào Việt Nam sẽ đề trước những chương trình phát triển dài hạn cho hạ tầng kinh tế tại nông thôn. Do đó trong những năm gần đây (cả thời gian trước khi có hiệp định Ba Lê. Tình hình nông thôn chỉ cho phép thực hiện các chương trình ngắn hạn có tính cách góp nhặt các chương trình hoạt động của các bộ liên hệ theo đường hướng chỉ đạo của vĩ lãnh đạo hành pháp chứ chưa có tầm vóc đứng mức của kế hoạch quốc gia. Còn nếu có một kế hoạch dài hạn (thí dụ kế hoạch 5 năm phát triển nông ngư nghiệp 1971-75 thì ngân sách quốc gia không đủ dài thọ vì còn phải duy trì ngân sách quốc phòng ở mức khá cao. Lý do chính yếu của sự đình chỉ phổ biến kế hoạch 5 năm phát triển nông ngư mục vì ngân sách quốc gia sẽ phải dài thọ 28 tỷ 400 triệu cho các dự án trên, ngoại tệ 716 triệu mỹ kim và nông sản là 142 tỷ 450 triệu.

b) Do chiều hướng giảm sút ngoại viện

Chiều hướng chung của chánh sách viện trợ các quốc gia tự do của Hoa Kỳ hiện nay là giảm dần mức viện trợ này và dứt hẳn khi quốc gia đã nhận viện trợ có thể tự túc về kinh tế. Vì vậy Việt Nam Cộng Hòa cũng chịu sự giảm sút nói trên.

Sự giảm lệ thuộc vào ngoại viện của tuy có điểm lợi

là bớt đi khuynh hướng ý lại vào nước ngoài, song lại là một trở ngại tài chính không ít đối với các chương trình của chính phủ. Nhiều dự luận cho rằng chính sự giảm viện trợ đã khiến cho Bộ phát triển Nông Thôn trở thành một cơ quan phụ thuộc của một bộ khác trong đợt cải tổ nội các năm 1974. Và người ta ngờ rằng kế hoạch 4 năm phát triển kinh tế nông thôn hiện nay (dự trù do bộ phát triển nông thôn thực hiện) sẽ gặp nhiều trở ngại về mặt tài chính (Toàn bộ kế hoạch tứ niên 1974-77 đòi hỏi một ngân khoản lố 2.000 tỷ VNĐ)

c) Do áp lực lạm phát

Khi dự án vừa được xã bình nghị xong ngân - khoản dự trù tương xứng với công tác. Nhưng khi bắt đầu thực hiện cho đến khi hoàn tất ngân khoản này không đủ để trang trải các chi phí vì sự giảm giá trị của đồng bạc.

Tóm lại các yếu tố chính trị, kinh tế và vấn đề an - ninh tại nông thôn cản trở các chương trình của chính phủ ảnh hưởng nhiều đến sự thiết lập kế hoạch, thi hành các án mà đối tượng là người dân nông thôn. Như sự thành bại của kế hoạch thăng tiến đời sống nhân dân còn lệ thuộc vào sự thực hiện. Trở ngại thường xuyên và chính yếu là vấn đề nhân sự trong guồng máy công quyền.

Mặt khác, sự tham gia của dân chúng vào công việc xây dựng dân chủ tại nông thôn và phát triển kinh tế có thể được thể hiện dưới nhiều hình thức khác như tham gia bầu cử các hội đồng dân cử tại nông thôn bằng cách bỏ phiếu, hoặc tham gia sinh hoạt cộng đồng xã ấp hoặc thường xuyên hơn, có tổ chức hơn, qua các tổ chức nhân - dân, các đoàn thể áp lực đảng phái chính trị. Thiếu sự hưởng ứng và hậu thuẫn của người dân nông thôn mọi chương trình xây dựng dân chủ tại nông thôn sẽ đi ý nghĩa dân chủ có nó.

2. - Trở ngại về phía chính quyền

a) Khuynh hướng chú trọng đến vấn đề quên sự nhiều hơn vấn đề xây dựng dân chủ của các nhà cầm quyền địa phương.

Các cấp chỉ huy guồng máy chính quyền địa phương hiện tại như Tỉnh Trưởng, Quận Trưởng là những quân nhân. Họ được ung đúc trong môi trường quân đội, trưởng thành trong chiến tranh. Tuy có lợi điểm là làm việc nhanh - chóng có tinh thần kỷ luật, song những vấn đề tiếp xúc trực tiếp với nhân dân cần sự khéo léo, tế nhị và kiên nhẫn, khác hẳn với vấn đề duy trì an ninh. Khuynh hướng quá đặt nặng đến vấn đề quân sự có thể cản trở phần nào công tác xây dựng dân chủ và đấu tranh chính trị với cộng sản tại nông thôn.

b) Sử dụng người không đúng chỗ

Nhiều khi việc bổ nhiệm viên chức thừa hành hay cấp chỉ hạ tầng nông thôn không theo đúng những tiêu chuẩn khả năng, đạo đức hay người địa phương mà do ảnh hưởng của thế lực phi chính thức tại địa phương, cũng có khi vì tư thù hay vu cáo.

c) Nạn báo cáo ma để tăng công

Có thể vì muốn tăng công với cấp trên một số viên chức chánh quyền thiếu tinh thần trách nhiệm báo cáo các sai lệch kết quả của công tác và đồng lõa với nạn báo cáo ma là khuynh hướng ưa chuộng những con số tốt đẹp, thiếu sự kiểm soát theo dõi của cấp chỉ huy ở trung ương cũng như ở địa phương.

d) Vi chính quyền địa phương thiếu thiên chí thực hiện

Tại một số địa phương các quyết nghị của cơ quan quyết nghị (Hội đồng xã, Hội đồng tỉnh) không được cơ quan chấp hành thực hiện mặc dù đã có nhiều khuyến cáo của chính quyền cấp trên. Một số dự án khác được nhân dân bình nghị nhưng ủy ban hành chánh xã thực hiện cho có lệ (thí dụ dự án xây cất trường sơ cấp và các cầu đước tại xã Hiếu Thành Quận Vũng Liêm do chương trình Hội cư đại thọ, nhân dân trong xã bình nghị nhưng viên chức

xã chỉ thực hiện qua loa (30)

e) Vị viên chức chính quyền thiếu khả năng

Vì thế các viên chức này hoặc có thái độ bất chấp luật lệ, hay truyền thống văn hóa tín ngưỡng cổ - truyền hay sợ sệt thụ động không sáng kiến.

f) Nạn tham nhũng và hối mại quyền thế

Tệ trạng tham nhũng và hối mại quyền làm chính quyền mất uy tín, dân chúng thờ ơ lãnh đạm hoạt động của chính quyền không thể nào thành công được. Bất công của xã hội nông thôn vẫn đây đây còn là một môi trường tuyên truyền để công sản tuyên truyền phá hoại, xuyên tạc chánh sách quốc gia của ta. Nạn tham nhũng còn đào sâu hố ngăn cách chia rẽ giữa người giàu và nghèo, công sản sẽ dựa vào đó để tung ra chiêu bài đấu tranh mị dân.

3.- Trở ngại về phía nhân dân

a) Ốc bảo thủ- Thành phần dân chúng sống tại các vùng nông thôn xa xôi thường bảo thủ trước mọi chương trình cải tiến của chính phủ nhất là các chủ trương là bỏ mảnh đất thân yêu dù nghèo nàn, cần cỏi để đến sinh sống tại vùng đất phì nhiêu có đủ điều kiện sinh sống hơn có khi họ còn bảo thủ các giá trị văn hóa lễ nghĩa cổ - truyền đến độ chống đối tất cả hành động của viên chức đã xúc phạm đến biểu tượng thần linh đình làng. (chẳng hạn như dân chúng xã Trưng Thành Quận Vũng Liêm Vĩnh Long qui tất cả rủi ro của dân chúng trong xã đó Ông Quận - Trưởng vì đã khấn chiếu thần đình làng).

b) Khuyết hướng cầu an thụ động- đối với các chương trình chánh sách quốc gia của người dân. Nguyên nhân có thể do tình trạng kém an ninh do công sản, cường hào ác bá gây ra. Người dân nông thôn không dám tỏ thái độ tích cực hay ủng hộ tán thành vấn đề cộng đồng của địa

phương do chính phủ phát động vì sợ cộng sản ám sát khủng bố, cũng không dám tranh đấu nguyên vọng chính đáng của đồng bào trong xã ấp vì sợ cường hào, tham nhũng trả thù. Nguyên nhân cầu an cũng có thể do tập quán an phận của người dân Miền Nam, không muốn dính líu đến cửa công, tòa án hay một tổ chức đoàn thể nhân dân chính trị hay phi chính trị.

c) Sự yếu kém của các tổ chức nhân dân trung gian tại nông thôn

Tổ chức nhân dân tại nông thôn đứng ra kết hợp một giới đồng bào để yểm trợ giúp đỡ nhau hay để tranh đấu cho quyền lợi của tổ chức này. Tổ chức này yếu kém vì tinh thần cầu an của dân chúng. Cũng có khi vì một vài hộ viên trong tổ chức nhân dân nói trên lợi dụng danh nghĩa của tổ chức để mưu cầu lợi riêng tư.

d) Tình trạng dân chí còn thấp kém nên không ý thức được quyền lợi của mình để tự quản trị lấy công việc của địa phương. không ý thức được giá trị của việc bỏ phiếu đi bầu để khỏi bị lính làm khó dễ hay bầu cử dựa trên sự quen biết tình cảm riêng tư.

e) Thiếu sự hoạt động tích cực của tầng lớp trí thức tại địa phương

Vì sự ích kỷ vì quyền lợi của đồng bào đối nghịch với quyền lợi của họ trong khi tầng lớp trí thức này thuyết phục và hướng dẫn họ tham gia sinh hoạt cộng đồng tại xã ấp.

f) Tổ chức trung tâm cộng đồng còn sơ khoáng vì vậy chưa đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng và khả năng của nhân dân trong xã.

CHƯƠNG III

Đề Nghị Cải Cách

VẤN đề Xây Dựng Dân Chủ tại nông thôn chỉ thành công khi hội đủ các yếu tố chính sau :

- Nhu cầu, nguyện vọng của quần chúng nông thôn là mục tiêu ưu tiên của chương trình dự án được thực hiện. Các chương trình, các dự án này có thể khác biệt tùy địa phương nhưng tựu trung vẫn nằm trong đường lối của chính sách quốc gia.

- Sự hưởng ứng và tham gia và sinh hoạt chính trị kinh tế xã hội của dân chúng tại địa phương nông thôn được chính quyền tích cực yểm trợ, khuyến khích.

- Cấp chỉ huy, cấp lãnh đạo chính sách, chương trình trên phải có ý chí muốn thực hiện và cương quyết thực hiện.

Từ nhận định, chúng tôi xin có vài quan điểm về vấn đề vận động quần chúng nông thôn sinh hoạt dân chủ, và về vấn đề xây dựng và bồi dưỡng giá trị của nền dân chủ tự do bằng chính sách giáo dục thường xuyên.

Mục I - Quan điểm vận động quần chúng nông thôn tham gia sinh hoạt dân chủ tại địa phương.

1) - Vận động quần chúng nông thôn.

Như đã trình bày khuynh hướng đi bỏ phiếu của quần chúng nông thôn là đi bỏ phiếu để khỏi bị làm khó dễ, hoặc là họ thuận lòng đi bỏ phiếu nhưng tiêu chuẩn lựa chọn người đại diện lại căn cứ trên sự quen biết, cảm tình cá nhân. Hơn nữa khuynh hướng cầu an thụ động khiến họ không thiết đến việc công dù rằng có ích lợi nhiều cho họ. Do đó nhiều nơi, không đủ ứng cử viên để giữ vai trò đại diện nhân dân tại nông thôn hoặc tình thân làm việc yếu kém, e dè sợ sệt mệnh lệnh của cấp trên (dù bất hợp pháp).

Vì vậy, chính quyền cần chú trọng đến công tác vận

động giải thích tính cách quan trọng của hành động bỏ lá phiếu vào thùng phiếu : chỉ bầu những người thực sự có khả năng tinh thần phục vụ tranh đấu quyền lợi cho chính họ. Sự thiếu ý thức trách nhiệm đi bầu làm cho những phần tử vô trách nhiệm trục lợi có cơ hội xâm nhập vào các hội đồng dân cử địa phương để trục lợi. Phương thức vận động phải theo sát nhân dân tận các thôn ấp, sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng khuynh hướng tinh thần, đời sống cá nhân của họ. Nếu có thể, chính quyền cho phối hợp công tác dân sự vụ với công tác dân vận trên.

2)- Kêu gọi sự hưởng ứng tiếp tay của các đoàn thể nhân dân trung gian.

Các đoàn thể nhân dân trung như các hiệp hội nghiệp đoàn, đoàn thể chánh trị địa phương tiếp tay tạo thành "chiến dịch nhân dân cận động bầu cử". Các buổi học tập nói chuyện, vận động phi chính thức tại các trường học, đình làng quán ăn (dĩ nhiên có cán bộ chính quyền yểm trợ) sẽ có thể hào hứng thoải mái hơn các buổi học tập chính thức do cán bộ chính quyền trung ương xa lạ đảm nhận. Phương thức vận động nhân dân tham gia vào sinh hoạt công quyền khác cũng có thể áp dụng tương tự.

3)- Kêu gọi sự tiếp tay của các nhân vật có uy tín tại địa phương.

Các nhân vật có uy tín tại địa phương như thân hào nhân sĩ, các vị lãnh đạo tôn giáo tại địa phương (Phật Giáo, Công Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, Tin Lành ...) có thể góp phần hữu hiệu vào công tác vận động quần chúng ủng hộ tham gia vào công việc quản trị xã ấp. Sự giải thích của những vị này thường được dân chúng nghe theo nhiều hơn là sự giải thích học tập của chính quyền, nhất là trong những vấn đề tranh chấp, mâu thuẫn quyền lợi nhân dân địa phương và kế hoạch quốc gia.

Công tác vận động các tổ chức nhân dân, các vị lãnh đạo tinh thần địa phương, các bậc kỳ hào ... cần phải hết sức tế nhị, và thích nghi tùy trường hợp, tùy địa phương nhưng vẫn nằm trong đường hướng của chính sách quốc gia.

Tuy nhiên để vấn đề vận động nhân dân nông thôn tham gia vào sinh hoạt dân chủ được chu toàn hơn vấn đề nâng cao dân trí của người dân nông thôn phải đặt trên một chính sách giáo dục hữu hiệu.

Mục II - Quan điểm về Chính Sách Giáo Dục thường xuyên tại nông thôn.

Hiện nay các cơ sở giáo dục tại nông thôn khá đầy đủ. Nhưng vấn đề giáo dục nhân dân không phải chỉ do các cơ sở đào tạo mà cần phong phú về phần hơn. Đường lối giáo dục để mở mang dân trí cần đặt trên nền tảng xây dựng và bồi dưỡng giá trị của nền dân chủ tự do. Để từ đó người dân nông thôn nhận biết về giá trị đúng đắn về dân chủ so với "chế độ dân chủ nhân dân" của cộng sản.

Nhờ vậy người dân có được kiến thức về nghĩa vụ cá nhân đối với xã hội, ý thức về công bằng xã hội, ý thức nâng đỡ thành phần yếu kém, lợi ích của các tổ chức cộng đồng.

Công tác giáo dục thường xuyên (còn gọi là giáo dục đại chúng) có đối tượng là đại đa số quần chúng nhất là tại nông thôn được thực hiện bất cứ lúc nào, bất cứ ở nơi đâu nếu có thể được. Nói cách khác ngoài việc giáo dục tại các trường học chính quyền còn giúp dân học hỏi qua hệ thống truyền thanh, truyền hình, trong công tác thông tin đại chúng, trong công tác xây dựng và phát triển nông thôn v.v...

Ngoài ra công tác giáo dục thường xuyên còn giúp người dân có cơ hội đi học, thanh toán nạn mù chữ, nâng đỡ người dân hiếu học nhất là tại nông thôn đào sâu kiến thức của mình ở bậc đại học. Họ sẽ là thành phần trí thức tại nông thôn đóng vai trò hướng dẫn đồng bào đồng hương trong mọi sinh hoạt dân chủ tại quê hương của mình, và đặt quyền đồng bào trên quyền lợi cá nhân vị kỷ.

Đường lối giáo dục thường xuyên còn đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

Tóm lại, thực thi chính sách giáo dục thường xuyên tại

nông thôn giúp người dân có kiến thức, khả năng, đạo đức để tự quản trị điều hành công việc làng xã và tham dự sinh hoạt công đồng xã thôn để xây dựng một đời sống sung túc cho quần chúng nông thôn vì chúng ta cần phải ý thức "không có một tiến bộ thực sự nào mà không bắt đầu bằng sự giáo dục dân chúng" (31) (Tổng Thống Argentine) và "chỉ người nắm được kiến thức mới đạt đến tự do" (Jean Mace, văn hào Pháp thế kỷ 19). (32).

(31) và (32) Bùi Xuân Báo. Giáo Dục Thường Xuyên và đại học trong tương lai, Hội Thảo Kế Hoạch Giáo-Dục đại học - Bộ Giáo Dục, Viện Đại Học Saigon, 1972, trang 46.

KẾT-LUẬN

CHÚNG ta thấy rằng vấn đề xây dựng dân chủ tại nông thôn quả có một tầm mức quan trọng đáng kể. Nó đề cao giá trị nhân bản của con người đánh bại thế "nhân dân" trong chủ thuyết "chiến tranh nhân dân" vì còn là phương thức hiệu nghiệm nhất, tích cực và cụ thể nhất, để nắm giữ quyền chúng nông thôn. Nó đòi hỏi thế liên hợp giữa các nỗ lực về mặt chính trị, kinh tế, quân sự, xã hội, văn hóa.

Trên đà tiến triển của tư tưởng dân chủ, nền dân chủ càng ngày càng mở rộng lãnh vực và đối tượng. Đại hội UNESCO kỳ tháng 10-11 năm 1970 đã đặt vấn đề dân chủ hóa nhiều đối tượng mới : giáo dục, thông tin, văn hóa. Quyền chúng nông thôn cần được nâng đỡ trên lãnh vực văn hóa giáo dục. Tình trạng dân trí thấp của họ chính là mối nguyên nhân tạo sự cách biệt đô thị và nông thôn. Không giải quyết tình trạng trên hoạt động xây dựng dân chủ tại nông thôn vướng trong vùng lẩn quan không lối thoát.

Trong vấn đề thực thi, kế hoạch, chánh sách đóng vai trò chủ đạo nhưng kết quả cụ thể mới xác định mức thành bại. Có thể người dân nông thôn không cần tìm hiểu kế hoạch do ai soạn thảo, thời gian nghiên cứu là bao lâu ... mà chỉ xem chính quyền đã giúp đỡ gì cho mình. Thái độ của viên chức chính quyền có nhiệt tâm, có cởi mở, nhà nhận không. Để từ đó họ có một kết luận mộc mạc đơn giản hóa giá trị của toàn bộ kế hoạch chánh sách quốc gia vào một hành vi đơn thuần của viên chức nói trên.

Điểm mà chúng tôi muốn nêu ra ở đây là ý chí muốn làm làm và dám làm của nhà cầm quyền. Đối với cấp lãnh đạo ở thượng tầng kiến trúc quốc gia như Tổng Thống, Quốc Hội, các cấp chỉ huy cao cấp trong hành pháp v.v... sự chủ tâm và cương quyết thực hiện giải quyết vấn đề xây dựng dân chủ qua sự kiểm soát thường xuyên hoạt động của viên chức ở hạ tầng nông thôn làm cho kết quả và giá trị công tác thực hiện đứng đắn và trung thực hơn là rút mình trong "tháp ngà" để kiểm điểm nhận định căn cứ trên các báo cáo về một thành quả mỹ mãn (?) nào đó. Ý thức dân thân phục vụ phải có từ cấp thượng tầng quốc gia trước tiên.

Đối với cấp thừa hành, tinh thần phục vụ dân thân hẳn nhiên cũng cần thiết không kém. Ý chí phục vụ dân thân bắt nguồn từ sự ưa thích, từ lý tưởng cá nhân. Nhưng cũng có thể khả năng, khích lệ tương thưởng vật chất, tinh thần, đảm bảo vật chất. Thông thường, khó mà có viên chức dân thân phục vụ nếu không được đãi ngộ xứng đáng.

Điểm thứ đến là đoàn thể tôn giáo, đảng phái chính trị có ảnh hưởng thế nào đối với sinh hoạt dân chủ tại nông thôn. Ta có thể thấy ngay đoàn thể tôn giáo và đảng phái vừa đóng góp vào sinh hoạt dân (đã đề cập) vừa cản trở sinh hoạt dân chủ. Quyết định của chính quyền nhất là tại địa phương nông thôn, nơi mà thế lực phi chính thức của tôn giáo hay đảng phái đang chế ngự, dễ bị lung lạc để phục vụ quyền lợi cho một thiểu số của địa phương nông thôn.

Điểm sau hết vấn đề ngoại viện. Ngoại viện được cung cấp sau khi đánh đổi một số điều kiện như cách thức sử dụng, mục tiêu sử dụng, vấn đề sử dụng... Có thể cuộc đánh đổi này nằm trong một lãnh vực khác của chính sách quốc gia. Hậu quả là chính sách quốc gia bị lệch lạc, sự thực hiện chương trình không thích nghi, hoặc chỉ đáp ứng một nhu cầu không thiết thực của người dân. Còn trái lại nếu ngoại viện khiếm khuyết toàn bộ hay một số chương trình sẽ bị đình chỉ sự hiện vì không có ngân khoản tài trợ nhất là các chương trình thuộc về nông thôn, tài trợ ngoại viện đóng góp một tỉ lệ rất cao.

Tóm lại, giá trị của vấn đề xây dựng dân chủ tại nông thôn chiếm một thế đứng trọng yếu trong việc xác định giá trị của chế độ. Và Việt Nam Cộng Hòa, trong cuộc chiến tranh chống cộng sản, và trước "một may mắn vừa phải" để tự tìm sinh lộ" cần đặt vấn đề xây dựng dân chủ tại nông thôn đúng mức và thực thi một cách tích cực vậy.

THƯ - TÍCH

SÁCH

- Nguyễn Kim Dũng, chiến tranh cách mạng, Saigon, Thái Độ 1968.
- Trương Tiến Đạt, Hiến Pháp chủ thích - Saigon 1967.
- Nguyễn Ngọc Huy, lịch sử các học thuyết chánh trị.
- Trần Văn Ân, Việt Nam trước thời cuộc chuyển hướng, tủ sách ĐỜI MỚI, 1971.
- " " " " , Việt Nam trước lựa chọn dân chủ, tủ sách ĐỜI MỚI, 1971
- Kế hoạch 4 năm 1972-1975 phát triển kinh tế quốc gia, VNCH 1972, Saigon ấn quán.
- Cuộc xâm lược từ miền Bắc - Hồ sơ về chiến dịch chinh phục Miền Nam Việt Nam của Bắc Việt, - Hoa Kỳ, Bộ Ngoại Giao 1955.
- Nguyễn Mạnh Côn, Cộng sản là gì ? Saigon Nguyễn Đình Vương 1962.
- Douglas Pike, Vietcong : The Organization and Techniques of the National Liberation Front Of South Vietnam.
- Robert Grainger Ker Thompson, Defeating communist insurgency, The lessons of Malayan and Vietnam (Thư Viện Quốc Gia)
- William A. Niggemonger, Rural pacification in Vietnam (Thư Viện trường Quốc Gia Hành Chánh)
- Hoàng Văn Lạc, một giải pháp cho vấn đề Việt Nam
- Thành tích 9 năm hoạt động của chánh phủ - 1963 (Thư Viện Quốc Gia).
- Thành tích hoạt động của nội các chiến tranh 1966-67 (Thư Viện Quốc Gia)
- Vũ Quốc Thích, vấn đề tổ chức Hành Chánh & các áp chiến lược.

- Nguyễn Cao Hách - Vấn đề Nhân Sinh tại Nam Á Châu (Giảng văn, ban cử nhân Đại Học Luật Khoa) Saigon 1971.
- Hồ Thới Sang - Kinh Tế Việt Nam (Giảng văn, ban cử nhân Đại Học Luật Khoa Saigon)
- Kế hoạch 4 năm phát triển kinh tế nông thôn 1974-1977 Bộ Phát Triển Nông Thôn, tháng 5/1973.

LUẬN-ÁN TIẾN SĨ CÔNG PHÁP

- Nguyễn Văn Canh - Đấu tranh chính trị của Cộng Sản

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP CAO HỌC HÀNH CHÍNH

- Nguyễn Phát Quan, một quan niệm đối phó chiến tranh Cộng sản tại Việt Nam, CH₃/HC Saigon 1967-69.
- Hứa Văn Kiến, vấn đề dân chủ hóa nền Hành Chính địa phương CH₃/HC Saigon 66-69.
- Trần Tấn Lộc, Quân nhân và hành chính địa phương. Saigon 67-69 CH₃/HC.
- Nguyễn Văn Tiết, Thực trạng nền hành chính địa phương tại Việt Nam - CH₁/HC - Saigon 65-67

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP ĐỐC SƯ HÀNH CHÍNH

- Đinh Công Đắc, Vấn đề cải cách điền địa và nếp sống tại nông thôn - DS.14, Saigon 66-69.
- Lâm Bình Lễ, Công cuộc cải cách điền địa tại Đại Loan và Phi Luật Tân, DS.14, Saigon 66-69.
- Đinh Ngọc Tề, Chương trình y tế hương thôn : thành tích khó khăn triển vọng Saigon 66-69.
- Ngõn Xuân Vũ, Nông thôn trong cuộc tranh chấp hiện nay tại Việt Nam DS.17, 69-72.

TẠP CHÍ

- Võ Minh Sử, Võ trang tinh thần thị dân, Tạp San Quốc

Phòng số 8.

- Nguyễn Mạnh Côn, Cai trị và Chánh Trị, Tập San Quốc Phòng số 36.
- Võ Trường Sơn, Chiến lược cộng sản trong giai đoạn tiếp sau ngưng bắn, Tập san Quốc Phòng số 36.
- Hoàng Xuân Hào, Luật "Người Cay Có Ruộng và Chánh Sách Cải Cách Điền Địa", Tập San quốc phòng số 17.
- Trần Văn Dĩnh, tìm hiểu các công cuộc định cư dân chúng VN trong quá khứ - Tập San Quốc Phòng 45
- Nguyễn Hữu Khôi - Nghiên cứu hành chánh số 2, tập XIII Tam cá nguyệt 2 - 1970.
- Phạm Xuân Nguyên - Nghiên cứu hành chánh số 2, tập XIII Tam cá nguyệt 2 - 1970.
- Nguyễn Phát Lộc - Nghiên cứu hành chánh số 2, tập XIII Tam cá nguyệt 2 - 1970.
- Nguyễn Duy Thanh và Phạm Văn Tâm, Văn đề lưu nhiệm các cơ quan dân cử và bổ nhiệm tỉnh trưởng. Nghiên Cứu Hành Chánh số 3 tập XIV tháng 7, 8, 9 1971.